

BẢN NGUYỆT SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Y THỰC

LÊ HỮU : TÁC PHẨM GỬI TỚI NGƯỜI ĐỌC
LỮ QUỲNH : BÓNG TỐI DƯỚI HẦM
TRẦN HỮU NGŨ : VÒNG QUA CHÂN ĐỐI

LÊ KÝ THƯƠNG ● VÕ TẦN KHANH ● THÈ VŨ
PHAN TẦN UẨN ● ĐỖ NGHÊ ● CHU SƠN
THU HƯƠNG ● HUỲNH HỮU ÚY ● THÈ THÚY

CAO HỮU HUÂN
KHOẢNG CÒN LẠI

4

NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 1970

Ý THỨC

BẢN NGUYỆT SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
NĂM THỨ NHẤT * SỐ 4 NGÀY 15-11-1970

TRONG SỔ NÀY

Trần hữu Ngõ	Vòng qua chân đời 1
Lê ký Thương	(thơ) Người thất tình say rượu 10
Thế Vũ	Mùa Đông 13
Lữ Quỳnh	Bóng tối dưới hầm 22
Võ tấn Khanh	(thơ) Lời chia cách 35
Phan tấn Uẩn	Trên sợi tóc buồn 37
Đỗ Nghê	(thơ) Tâm sự lạc Long Quân 50
Lê Hữu	Tác phẩm gửi tới người đọc 52
Chu Sơn	(thơ) Lên Hải Vân Sơn 60

MỤC THƯỜNG XUYỀN :

Một chỗ chung : Hình ảnh rời	Nhiều người viết 63
Xem một phòng tranh : Huỳnh hữu Ủy — Tau Hương	77
Cao hữu Huấn :	Khoảng còn lại 86
Sinh hoạt văn hóa : .	Thế Thủy 93

Củ nhiệm : D S NGUYỄN THỊ YẾN
Tổng thư ký NGUYỄN MINH Quản lý NGUYỄN THỊ DUNG
TÒA SOẠN : 666 PHAN THANH GIẢN — SÀI GÒN
Biên lai chánh thức 1195 BTT/NBC/HCBC 1-9-70
In tại : Đăng Quang 734A Phan Thanh Giản Sài Gòn

TRẦN HỮU NGŨ

vòng qua chân đồi

1

Đồi Chu Prài nằm ở giữa. Chiếc đồi không cao, kể từ đất bằng, khoảng 30 thước đã quá, nhưng có một chiều dài chênh vênh, lưng mọc lờm chờm những tảng đá bạc, thoai thoải kéo dài và nối tiếp là hai chiếc đồi nằm ngang. Hai chiếc đồi không mang tên tuổi, cây cỏ mọc cần khô, những mu đá ù lì, hợp với Chu-Prài tạo một bức bình phong cho thị trấn kế cận. Từ đỉnh Chu-Prài nhìn xuống, bên tay phải, đi từ mặt trời lặn, là một con sông, nước hai mùa, khi cạn khi đầy. Có những ngày lòng sông trơ mình, bãi cát vàng ườn bụng và bầy chim đồ xuống nghỉ ngơi ; có những khi lòng sông ngập lụt, màu phù sa bạc phếch, nước băng băng đồ về xuôi. Bên kia sông là cánh rừng lúp xúp cây hoang dại, ngút về ngàn, và xa tít là những dãy núi xanh cao vút, mây và sương thường lấp đầy đỉnh ngọn. Con sông hình như cũng được thoát nguồn từ đó. Phía bên này sông, mấy thửa ruộng trái mùa, và một thôn dân cư lưa thưa nhà cửa. Thôn này do một nhóm dân lập nghiệp từ lâu đời, và dân chúng sống bằng nghề tía đủ thứ. Ở phía trên

dòng sông ngày trước cũng có một xóm dân, nay họ đã dời đi. Từ thôn dân cư đó đến chân đồi Chu Prài có một con đường mòn. Con đường này nhỏ và hẹp, vòng qua chân đồi, đâm thẳng xuống một con lộ lớn. Ngoài ra, con đường chính của thôn này được nối liền với thị trấn thì dài và xa hơn, men theo con sông, rồi quắc ra phía bên kia đồi. Phía bên trái đồi Chu-Prài, cũng kể từ mặt trời lặn, là một con đường nhựa lớn, thẳng nhưng không bằng, tiếp là một thị trấn nhỏ, nhà cửa chen chúc. Con đường là sinh lộ chính của thị trấn với phi trường quân sự.

Đồi Chu-Prài là một yếu điểm an ninh quan trọng cho phi trường và thị trấn. Từ đó, những chiếc lô cốt được dựng lên, rải rác trên lưng Chu-Prài. Những căn sắt truyền tin, những ô súng nòng đen và những tên lính chiều chiều ngó mông lung. Khu đồi nằm ở một vị trí độc lập, lợi hại. Vòng quanh sườn Chu-Prài là những hàng rào kẽm gai, và những giao thông hào nối tiếp. Khu đồi được chọn làm yếu điểm quân sự chưa tròn năm, kể từ phi trường được thiết lập. Ngày xưa, đồi Chu-Prài là nơi hẹn hò thơ mộng của những trai gái thị trấn này. Những đêm trăng thì tuyệt. Đó là nét đẹp êm đềm của thiên nhiên, của những hóc đá, của những chòm cây. Con đường lên lưng chừng, nối tiếp bằng những mu đá phẳng và gió thì mơ màng thổi qua. Bây giờ nét đẹp đã đổi khác, sự im lặng của đêm, và bóng trắng thì nằm bướng bỉnh trên hàng rào kẽm gai, làm cho khu đồi mang dáng dấp của một bí mật. Có khi ánh trăng được thay thế bằng một hỏa châu màu vàng chói, chập chờn trên đỉnh đồi. Những chiếc lô cốt cách khoảng, những im lặng nối dài, và những lỗ châu mai ngó mãi xa vời, như một thân xác bất tỉnh với con mắt nhìn sự chết đang qua mà không thấy.

2

Trung sĩ Hòa thay chiếc áo hành quân xong, lách mình qua khung cửa và ra ngoài lô cốt. Bây giờ là buổi chiều. Một

Buổi chiều đời gió, trời lạnh lạnh. Đứng từ trên cao nhìn xuống, lòng trung sĩ man mác làm sao ấy ! Một sự man mác, không do một tình cảm nào hết, nhưng, phải nói đó chỉ là một sự man mác. Đôi mắt trung sĩ Hòa xa vời và mông lung. Một cảm giác kỳ lạ thoáng qua gần như một êm đềm lãng mạn ! Trước mắt trung sĩ Hòa là bốn chiếc lô cốt với chín tên lính đồn trú. Những tên lính hình như có vợ con ở dưới thị trấn kia. Những tên lính canh phòng và quan sát vùng bí mật trước mặt. Những cây cần sắt đó, và những đôi mắt đó. Lòng trung sĩ Hòa man mác thật. Một cứ điềm. Một nhiệm vụ. Một quan trọng. Những tên lính ít nói năng, mỗi người một góc lô cốt, một cây súng, một ống nhìn, một chiếc máy. Trung sĩ Hòa bỏ hai tay vào túi. Buổi chiều tập hợp và trình diện. Thiếu tá Hồng, chỉ khu phó, giới thiệu với binh sĩ. Trung sĩ Hòa... Trung sĩ Hòa... Trung sĩ Hòa..., vâng, một chiến sĩ... một hạ sĩ quan xuất sắc... sẽ chỉ huy tiểu đội khu đồn Chu-Prài cùng các bạn... Trung sĩ Hòa cười nhẹ. Chín khuôn mặt, và trung sĩ Hòa nhận ra mình đang đứng trước chín khuôn mặt đó, như một bất gặp cô đơn kỳ thú.

Trung sĩ Hòa nhìn bao quanh một lần. Vị trí khu đồn thuận tiện và an ninh. Chiếc lô cốt phía cuối đồi thật lợi hại, nhìn xuống thấy được ba phía. Những tên lính đã trở về mỗi lô cốt. Trung sĩ Hòa nằm với lô cốt trung ương. Buổi chiều gió nhiều và lạnh. Phi trường từ phía xa mù bụi cát, âm thanh máy bay vang rền. Tự nhiên, trung sĩ Hòa nghĩ đến vị trí của mình và của anh em. Vị trí phòng vệ và canh giữ. Vị trí của những lô cốt và những lỗ châu mai. Vị trí mà người ta bày ra và đặt mình vào. Đó là số phận của một trung sĩ Hòa, của mỗi một tên lính...

Tên hỏa đầu quân từ lô cốt đằng sau, áp úng sau lưng trung sĩ Hòa :

— Thừa trung sĩ đã đến giờ ăn cơm.

Trung sĩ Hòa bỗng quay lại, ngạc nhiên :

— Cơm mà cũng có giờ giấc nữa à ?

— Dạ, đó là thông lệ của chúng ta.

Trung sĩ Hòa như cảm thấy mình lỗ lòi, phân bua :

— Tôi nghĩ rằng, với anh em ít ỏi như thế này lúc nào ăn chả được. Có là ăn khỏi giờ giấc.

— Dạ... cũng được.

Trung sĩ Hòa nhìn thẳng vào tên hỏa đầu quân :

Anh gọi lệnh cho mọi người ăn cơm. Giờ chừ yên tĩnh. Khỏi ai trực hết.

— Dạ...

Tên hỏa đầu quân đứng thế chào rồi quay đi. Một lúc có tiếng còi réo lên. Từ các lô cốt, mấy tên lính kéo lại. Trung sĩ Hòa nhìn quanh một lượt, rồi quay đi.

Lần đầu tiên, những tên lính có vẻ ít nói. Có lẽ vì trung sĩ Hòa mới đến ?

3

Lão già Tân, buổi mai như buổi chiều, từ bao năm, một mình cầm gậy, lưng mang gùi, đầu đội chiếc nón nhà binh đã bạc, lếch dếch đi qua con đường mòn quanh chân đồi. Buổi sáng lão thường đi thật sớm, và buổi chiều, lão về thật tối. Hình ảnh lão đối với con đường mòn này như một định mệnh. Bàn liền vào nhau, không tách rời và không phụ bạc. Con đường có cỏ mọc chần chịt, và cây cối lúp xúp hai bên. Chiếc gùi của lão không bao giờ thay đổi, và chắc cũng chẳng nặng lắm. Lão vẫn ra đi mỗi sáng, và về mỗi chiều. Dáng lão cô đơn, đi động thật chậm chạp trên con đường mòn vòng qua chân đồi. Gió vẫn lộng, và những bước chân của lão thì yếu.

Quê lão già Tân nằm phía con sông, căn nhà phía trên hết. Lão chỉ sống về đêm tại căn nhà này, ngọn đèn dầu leo loét, và cánh cửa thì đóng kín. Lão trở nên bí mật và ít tiếp xúc với ai trong dân làng, từ khi đưa con độc nhất của lão từ trận. Vợ lão qua đời từ lâu, khi lão còn trẻ. Ngày xưa lão sống bằng

nghe trông trọt, rồi sau đó, lão đòi nghề. Lão ra đi mỗi sớm, và về mỗi chiều. Lâu dần thành quen mắt dân làng. Và dạo sau này, lão ít gặp dân làng, vì lão không đi trên con lộ chính như họ. Lão dùng độc nhất con đường này. Và chỉ có lão già Tân dùng nó mà thôi. Bước chân của lão không đủ uy hiếp những đám cỏ lau. Cỏ vẫn mọc và mỗi ngày, con đường này mỗi hoang vu. Lão cũng chẳng ngại ngừng, vì lão thường nghĩ khi con đường đã phủ lấp mất tích, thì chắc lão cũng đã chết. Thế là lão yên tâm. Số phận của lão đã được quyết định và giới hạn. Lão vẫn yên tâm. Con đường còn tốt. Điều quan trọng, con đường đó ngắn và rút bớt thời gian về cho lão về nhà.

Lão cũng thường nghe, người ta bảo con đường mòn này nguy hiểm và đã cấm người qua lại. Nhưng lão chưa bao giờ gặp một trở ngại nào cả. Lão vẫn đi qua mỗi sáng sớm, và trở về mỗi chiều tối, một cách bình yên. Không bao giờ lão thấy một người nào trên con đường này. Lão biết thế, dù mắt lão đã mờ phần nào. Nhưng ít nhất, lão cũng không nghe một giọng hỏi nào cả. Con đường như một quen thuộc bình yên có vì cấm đoán đâu. Lão đã đi bao năm trên con đường này rồi. Từ khi mắt lão còn sáng, từ khi con lão ra đời, từ khi vợ lão còn đi bên lão ra chợ buôn bán... Có ai cấm đoán đâu. Nhưng: từ năm nay, lão đã nghe ông ấp trưởng đến tận nhà căn dặn lão và khuyên lão. Lão không bao giờ nghe, dù lão cứ thắc mắc trong lòng. Quân đội sao lại cấm? Vùng quân sự nào? Lão có thấy gì đâu? Thế là lão vẫn đi, tuổi già trở nên cứng cỏi và quả quyết. Lâu dần, ông ấp trưởng chẳng thêm nói. Chính con đường này đã đưa lão về quê nhà, nơi mỗi đêm lão ngủ những giấc ngủ vui lãng, để sáng mai lại lên đường, để rồi trở về. Như một điệp khúc. Đời lão biến thành một cái đồng hồ đúng giờ giấc. Thế mà lão được yên tâm.

4

Trời chiều vừa đổ thấp, trung sĩ Hòa nhìn qua ống kính nhiều lần, và thật kỹ. Hình ảnh ông già bồng đầu lệch thẹo

trên con đường mòn vòng qua chân đồi. Trung sĩ Hòa liền gọi binh nhất Lý lại hỏi :

— Vùng dưới đó đã có vết cắm ?

— Dạ có.

Trung sĩ Hòa nghiêm nét mặt :

— Có, sao vẫn có người qua lại nơi này ?

— Đó là một ông già. Một ông già đã đi qua đây bao nhiêu năm rồi, như một thói quen, không ai để ý.

— Sao lại không để ý ? Chính cái thói quen đó là một tai họa cho chúng ta.

Binh nhất Lý thanh minh :

— Thượng sĩ Bình trước đây cũng không để ý, vì ông già này chỉ biết đi qua mà thôi.

Hình như bực mình, trung sĩ Hòa hỏi vội :

— Ông là ai ?

— Dạ, tôi cũng không rõ, nhưng ông là một ông già lụ khụ, sáng đi chiều về, nhà ông ở bên thôn dân cư kia.

— Có bao giờ xuống gặp ông chưa ?

— Dạ chưa.

— Sao tin người vậy ?

— Em đâu biết. Tại cấp trên không sai xuống.

— Được...

Trung sĩ Hòa ra lệnh cho binh nhất Lý trang bị súng ống và xuống giữ ông ta lại để kiểm soát. Binh nhất Lý vâng lời. Chốc lát hai người đã đứng giữa con đường mòn.

Lão già Tân lưng hơi cong xuống vì chiếc gùi, lếch đếch đi, bỗng nghe một tiếng quát :

— Đứng lại.

Lão đảo mắt nhìn lên. Lão không thấy rõ dáng hình nào, nhưng, lão biết đó là những người lính, vì mùi áo lính bay thơm nồng. Lão dừng lại, chống mạnh chiếc gậy xuống đất.

Đôi mắt lão nhướng lên. Một khuôn mặt gầy, ốm, nhăn nheo, hai má hóp, đôi mắt sâu, môi khô, và cái miệng há hốc ngạc nhiên chưa nói nên lời. Trung sĩ Hòa nhìn xuống áo quần lão. Một chiếc áo màu đà đã bệch, và chiếc quần vận ống cao ống thấp. Từ người lão toát ra một mùi già khét và khó chịu. Trung sĩ Hòa đưa tay níu chiếc gùi xuống và nhìn vào. Không có gì. Vai con cá diếc nằm ngửa nghiêng và một gói gạo đã bị rách đồ tràn ra. Lão già Tân ngơ ngác nhìn tò mò như muốn biết ai ở trước mặt. Trung sĩ Hòa hiểu ý, nói :

— Chúng tôi đồn trú tại đồi Chu Prài này. Ông nghe rõ không ?

Lão già Tân gật đầu. Trung sĩ Hòa nói tiếp :

— Ông có biết con đường này cấm từ lâu không ?

Lão già Tân lại nhướng mắt lên, rồi ngơ ngác :

— Tôi có nghe. Tôi có nghe. Nhưng điều đó có gì hệ trọng đâu ?

— Cấm mà không hệ trọng à ?

— Tôi đã đi ngang qua đây từ 60 năm nay, có bao giờ ai cấm tôi. Tôi chỉ biết con đường này dẫn về nhà tôi và cũng là ngõ tôi đi làm ăn. Tôi, con tôi, vợ tôi, đã đi qua đây...

Trung sĩ Hòa nghe lão già Tân lý luận chột khó chịu :

— Nhưng, bây giờ con đường này đã cấm. Đây là vùng quân sự. Tôi lưu ý vì an ninh của ông. Ông nghe rõ ?

Lão già Tân bỗng cười chua xốt :

— Tôi nghe rõ, vì tôi đâu có điếc. Tôi già, nhưng tôi là một người. Chỉ tại đôi mắt tôi hơi mờ mịt. Tại vợ tôi, con tôi...

— Sao lại tại vợ ông, vợ ông ?

— Tại, chứ sao ! Tại là bởi nó tại. Tại vậy. Tôi đâu có điếc ! Tôi biết an ninh lắm. Cái thân già này sống quá sức tưởng. Cho nên tại hết.

Bình nhất Lý nãy giờ nghe mẩu đối thoại lý lẽ kỳ cục của

lão già Tân, sự nóng nảy của trung sĩ Hòa và bóng chiều thì sắp tắt, liền nói :

— Ông già này hình như say rượu trung sĩ à.

Lão già Tân bỗng quát thốt ra, khuôn mặt rần rần :

— Tôi đâu có say, tôi tỉnh. Tôi đang đứng trước các ông lính. Có phải thế không ? Tôi đang đứng trên vùng đất an ninh này. Có phải thế không ? Tại sao lại bảo tôi say ?

Bình nhất Lý nói lớn :

— Nếu ông không say, thì ông nghe chúng tôi bảo ông phải đi khỏi khu vực này, và từ nay không đi qua con đường này nữa. Nếu bất tuân, sẽ bị nghiêm trị, hay bị bắn không chừng.

Lão già Tân cười ròn :

— Không, tôi chỉ biết con đường này đưa tôi về nhà tôi. Chỉ con đường này, sao phải cấm tôi...

— Không, một con đường này ! Ông hãy đi con đường trên kia.

— Tôi chưa bao giờ nghĩ tới.

— Con đường trên kia có tráng nhựa, rộng và an ninh.

— Nhưng tôi không thích.

— Ông sẽ thích !

— Tôi không thích. Tôi chọn con đường này, vì đó là con đường mà tôi đã đi qua 60 năm nay kể cả vợ tôi, con tôi...

— Vợ ông, con ông đâu ? Trung sĩ Hòa hỏi.

— Vợ tôi, con tôi đã chết. Mồ mả còn ở cuối đường này...

— Chết ?

— Vợ tôi con tôi đã chết. Đó là hậu quả của đất nước này. Đừng hỏi tôi. Cho tôi đi, và để tôi đi.

— Nhưng ngày mai, tôi cấm ông đi trên con đường này.

— Tôi không biết. Nhưng chắc tôi không làm gì hơn, mất tôi đã lừa, và con đường là một sự quen thuộc của tám khăm. Mỗi bước chân tôi rời được là nhờ tám khăm của tôi dẫn dắt.

— Ông ăn nói kỳ lạ.

Lão già Tân không nghe, lếch thếch đi. Hai người lính thấy vậy, đứng xê ra. Bóng chiều như xuống hẳn. Hình ảnh lão già Tân xa dần. Hai người lính, không nói nên nửa lời, đứng một đôi trên con đường mòn, và nhìn lão già Tân.

5

Thộn Mỹ vào một buổi sáng sương mù. Đám cây đứng yên mình bất động. Ít tiếng chó sủa từ trong xóm. Những con đường rẽ vắng teo. Mấy nhà tranh còn ngái ngủ. Trời lạnh ọp ọt...

Lão già Tân lách qua khe cửa, rồi khép cánh lại gài cần thận bằng một sợi giây thông. Lão đứng tần ngần, sửa lại chiếc gùi trên lưng, một chốc, lão ra ngõ. Con đường mòn đã ở trước mặt, và lão bước đi.

TRẦN HỮU NGŨ

LÊ KÝ THƯƠNG

thơ

THƠ CỦA NGƯỜI THẤT TÌNH SAY RƯỢU

LAI RAI BA ĐIỀU

mai kia ta cháy trên đồi
lửa siêu độ đốt sạch lời ba hoa
e rằng cô quán phải lo
thiếu người tâm sự ngồi co một mình

hôm nay ta nói hết mình
rượu bao nhiêu độ là tình bày nhiều
thân nhau nói ít hiểu nhiều
khi mà thương thiệt mấy đèo cũng bằng

tình tang ứ hự tình tang
cho thêm xị nữa cô hàng chịu chơi

HIÊU HIÊU NHIÊN

Khi ta buồn, chó cong đuôi
sầu riêng héo trái chín mùi trên cây
thieu thân tấp ngọn đèn cây
con người tỉnh mộng tóc thay bạc đầu

Khi ta cười dưới mộ sâu
hồn ma kinh động lên hầu rượu ngay
cả dương gian một chum này
biết bao lần uống chưa say lần nào

ngày thường ta hát nghêu ngao
gái đồng trinh rỉ máu đào khai hoa.

MẶT TRỜI KIM PHƯỚC

Ta về rách nửa mặt trăng
ngiên chân một bước đất gấm nổ tung
mở ra trăm cửa vô cùng
loay hoay kinh kệ lộn sòng hôn mê

Ta về động cỏ canh khuya
sương vườn em nổ muôn tia máu hồng
đắm địa cá bải hư không
con thuyền bát nhã chuyền vòng pháp luân

Ta về đập đổ thể gian
dựng trời Kim Phước thi ân cho đời.

TRÊN ĐƯỜNG VỀ TA CA :

Thò tay mà ngắt ngọn ngò
thương em đứt ruột giả đồ ngó lơ
ngò thơm phứt trả canh chua
ai ngang qua đó mời vô nếm dùm
mẹ tôi còn nhóm chợ Đông
chị tôi theo chồng ở mãi phương xa
em tôi tát nước chưa về
không người tôi phải lo bế nấu ăn
cô ba nó ời mẩn rãng
cô ba nó ời mẩn rãng mà cười.

LÊ KÝ THƯƠNG

Trung tuần tháng 11, nhà xuất bản VẠN ĐỘNG
phát hành :

TÂM THU KINH THƠ ĐẶNG TẤN TỚI

THẾ VŨ

mùa đông

Tôi bị đánh thức dậy sớm hơn mọi ngày. Suốt đêm không ngủ được, trời nóng mặc dù đã vào mùa đông. Muối đốt liên hồi chúng tôi nằm dưới thềm xi măng, tấm chăn nhỏ không đủ cho ba người, bị kéo từ phía này sang phía khác, giành nhau đắp lên chân lên tay cho đỡ bị muối. Chúng tôi đã thay nhau ngồi dậy, bước ra ngoài trời, đứng một lúc cho mát rồi lại trở vào phòng mò mẫm tìm từng điều thuốc lá, thắp lên cho đỡ buồn, đi ra đi vào, mệt mỏi và ngái ngủ, nằm xuống bên cạnh những người bạn, đắp muối trên mặt, trên tay, trên chân, sau đó lại trở dậy mở cửa bước ra ngoài. Suốt đêm như thế, ba người bạn trên nền xi măng phòng khách và vợ chồng chủ nhà trong phòng ngủ. Đó là những ngày đầu mùa đông, những năm trước kia vào thời gian này tôi vẫn thường bỏ học về quê, dầm chân trên những con đường ngập lụt và tắm mình trong mưa dầm dề. Gần mười năm qua, bây giờ thì đã khác, quá xa và quá đìu hiu. Chúng tôi một đứa về từ Sài Gòn, tôi từ mặt trận vùng cao nguyên và một đứa nữa đang trải qua những ngày bấp bênh chờ bị bắt vào quân lao trong thị trấn này. Mười năm trước chúng tôi cùng ngồi chung bàn trong lớp học, cùng hút với nhau những điều thuốc lá lén lút dưới gầm bàn trong lúc ông thầy say sưa giảng bài. Bây giờ, mười năm sau gặp lại nhau, trên một nền xi măng còn trống trong thị trấn cũ và thao thức chờ sáng.

Thức đã bỏ đi từ bao giờ, người bạn sửa soạn đi làm và người đàn bà đã ra chợ mua quà sáng cho chồng. Hòa và tôi ra

đường, buổi sáng mát rượi và trong, tiếng động cơ xe cộ ào ào thay tiếng sóng biển rì rào đêm qua. Đường phố vẫn nằm nguyên chỗ cũ từ bao nhiêu năm nay, nhưng chúng tôi thì đã khác đi nhiều. Hòa nhắc lại việc gây gổ với Thức làm tôi bức mình, tôi nói với Hòa rằng nếu muốn tiếp tục lần trốn trong thị trấn này thêm một thời gian nữa thì tốt hơn hãy tìm một nền xi măng trống khác, bởi vì vợ chồng người bạn đã tỏ ra muốn đuổi chúng ta đi ngay kể từ hôm qua. Điều đó không làm cho tôi buồn, nhưng dù sao, tôi nói với Hòa, dù sao thì Minh cũng đang có một đời sống khác xa chúng ta. Minh đã trải qua những ngày lêu bêu như thế rồi, bây giờ hãy để cho Minh an nghỉ với vợ con. Để cho Minh va chạm lại cái hình ảnh quá khứ của anh, có thể anh không đủ can đảm tiếp tục những ngày sắp tới. Hòa hỏi câu nghĩ sao về điều tôi nói với Thức đêm qua, tôi nói có lẽ Thức ảo tưởng và không đặt thành vấn đề việc làm buồn một người như tôi, cũng may là sự tự ái ái của tôi không cao lắm và cũng không bén nhọn như Hòa. Lúc nói với Hòa điều đó, tôi nhớ lại lời hằn đêm qua với Thức: «Có thể mày hiểu nhầm tao, điều đó không cần thiết gì cho tao cả. Tao không tự ái cho riêng tao, mày phải hiểu như thế. Lý ra mày phải thương những đứa bạn khốn khó như thằng Vĩnh từ xa về, nhất nữa là mày phải nhớ rằng mày chỉ mới vừa chạy chọt để về ung dung ngồi trong bàn giấy ở Sài Gòn từ một chỗ cũng khốn nạn như nó. Mày đã đề lộ trong cách nói của mày cho người ta thấy rằng mày có những hành động của bọn phản bội. Tao không thù ghét gì mày đâu...» Hòa nói lớn giọng, hùng hồn và nhiệt tình. Thức lúc đó chỉ nằm im, cười cười, tôi hiểu Thức sẽ không bao giờ biết suy nghĩ lại về mình sau những lời trách móc của bạn bè. Thức cũng rất ít khi chịu tin rằng người ta nhận xét đúng về mình, và thường thường hằn vằn còn đủ tự tin để trả lời: «sau này có dịp tao sẽ chứng tỏ rằng chúng mày vô lý».

Chúng tôi đi ngang qua phố chính rồi đến khu hỏa xa. Những tấm biển ngữ mới căng lên đêm qua, nhiều tấm khác đã cũ và cũng có nhiều tấm đã quá xưa, đã mười năm hay lâu hơn. Tôi nhìn lên những tấm biển treo trước các cửa hiệu nằm san sát nhau, tên những khách sạn, phòng trà trên các căn lầu mới xây cất sau khi tôi vào lính, nhô cao hơn cả trong thị trấn. Trước một hiệu ăn ở một ngã tư, hình ảnh quảng cáo cuốn phim đang chiếu tại một rạp hát, cuốn phim quay lại khung cảnh chiến tranh 1943 trên một hòn đảo nhỏ ở Thái bình dương, những vụ chạm súng giữa một toán thám sát tuần tiễu của Mỹ và một lực lượng trú đóng của Nhật. Hòa nói đến nhân vật nữ duy nhất trong

cuốn phim đó, tôi lơ đãng nghe, mang máng hiểu rằng Hòa muốn nói đến một điều nào đó khác hơn sự hiện diện lẻ loi và vô ích của người đàn bà. Lúc chúng tôi đến khu hỏa xa thì chuyến tàu buổi sáng đã chạy, sân ga trở lại yên tĩnh, tôi biết rằng không có ai đi đưa tiễn ai trên chuyến tàu đó, vì thực ra tàu chỉ chạy đến một chiếc ga xếp cách thị trấn khoảng năm cây số để lấy đá rồi trở về. Hòa nói đã quá lâu không còn có dịp sống lại cái thói quen ngày mới lớn, bốn năm giờ sáng thức dậy ra ga ngồi chen chúc giữa đám hành khách ngái ngủ, uống một ly cà phê nhỏ trên toa hàng ăn và giải khát cho đến khi tàu chạy mới trở về nhà. Căn nhà ngày xưa của Hòa nằm lẻ loi trên một khu đất trống sát đường sắt chạy vòng quanh khu hỏa xa, sau này người cha chết đi, căn nhà đó mẹ Hòa đã bán lại cho một người lao công sở hỏa xa rồi đi theo một người đàn ông về ở mãi dưới bến tàu. Mấy năm vào lính, rồi khi Hòa đào ngũ trở về tìm gặp lại người mẹ, bà đã nói với Hòa: « Con phải hiểu rằng con không nên tìm mẹ nữa làm gì. Con đã lớn.... ».

Chúng tôi ghé đến ngồi nơi cái bàn duy nhất kê bên cạnh quầy cà phê của lão tàu già nằm trong một khu chợ nhỏ cạnh nhà ga, giữa xóm lao động mới được xây cất sau này. Chúng tôi gọi cà phê, hút thuốc lá, đôi khi nhìn nhau rồi cười. Đã từ lâu chúng tôi không còn trẻ nữa để tìm dưới đáy ly đen một nỗi buồn bã thu mình ngồi trong đó, tuy nhiên chúng tôi cũng vẫn chưa già để phải vội vã. Tiếng ồn dưới chợ có lúc cũng gọi lên cho tôi chút náo nhiệt mơ hồ. Hòa nói:

— Cậu định làm gì hôm nay?

Tôi nói một cách uể oải:

— Chưa hết được. Có lẽ lại ra quán sách anh Hoàng ngồi suốt ngày.

Trong những ngày qua, hình như hôm nào chúng tôi cũng đến hiệu sách, buổi tối bắt ghế ngồi hút thuốc trước cửa nhìn người trên phố, nhìn cảnh sát, quân cảnh, nhìn người ngoại quốc. Thỉnh thoảng người đàn bà cũng đem ghế ra ngồi bên chúng tôi, bàn góp vào những câu chuyện không đầu đuôi, nhắc đến những người cũ, chiến tranh, sự chết, vài bài diễn văn mới nhất của những kẻ cầm quyền. Khuya, lúc hiệu sách đóng cửa, chúng tôi từ giả người đàn bà, đôi khi cũng có mặt anh Hoàng ở đó rồi đi tìm chỗ ngủ qua đêm, có thể là đảng nhà giảng hội thánh tin lành hay nhà một người bạn cũ không thân thiết lắm.

— Hay là mình về Ninh hòa đi lên bêu cho đỡ nản, chiều hoặc mai hãy trở lại đây. Tôi nói với Hòa.

— Thôi tôi không về đó nữa. Tôi thiếu nợ khắp phố khắp chợ. Bây giờ thì phải khai trừ nơi đó ra khỏi trí nhớ may ra tôi mới yên tâm.

— Tôi thấy cũng còn tiếc cái thời nhỏ lúc mình còn đi học ở ngôi trường trung học ngoài đó. Cậu nhớ những buổi tối cậu mang guốc gõ nện lên mặt cầu xi măng, cảnh sát đến đuổi mình đi, nhớ không?

Hòa cười :

— Cây cầu xi măng gãy rồi.

Hòa nhắc lại cho tôi nghe về một vài người bạn cũ. Cuối cùng tôi bảo Hòa nên sớm tìm cách đi Sài Gòn là hơn. Tôi nói thêm rằng có lẽ thị trấn này không còn bao dung hẳn nữa, lúc nhỏ làm sao mình biết được sau này có ngày xấp xỉ ba mươi tuổi mình lại sống khốn cùng đến như thế. Người lớn và nhà trường đã chỉ dạy cho chúng ta biết đến hạnh phúc và mọi cách đạt đến hạnh phúc đó, người ta đâu đã dạy cho chúng ta biết gì hơn về những đời sống khác. Khi sống một đời sống khốn nạn chúng ta mới biết được rằng những điều chúng ta đã học hỏi được mười năm trước đây thực vô ích biết chừng nào. Hòa gật đầu nói :

— Một năm chui rút trong thị trấn này đã quá đủ có phải không? Bây giờ nếu có bị bắt lại cũng được, tôi sẽ vào tù, rồi ra trận rồi lại đào ngũ nữa. Tôi sẽ bỏ đi trong mấy ngày tới. Tôi đã định đi Sài Gòn từ lâu nhưng cứ chần chờ mãi. Tôi nghĩ những bữa cơm ăn nhờ người này người khác đã là một sự sỉ nhục nặng nề, cậu nghĩ có lần tôi ghé đến người chủ ruột, ở đó được hai ngày thì ông hỏi tôi sao không đi làm, ăn xi măng có được không. Tôi định nhờ anh chị Hoàng giúp phương tiện.

— Biên vẫn yêu cậu chứ?

— Yêu thì chắc vẫn yêu nhưng đã xa, Biên đi học sư phạm. Một năm nay tôi chỉ gặp Biên có một lần, kỳ hè. Ngồi bên tôi, Biên khóc. Hôm trước tôi có gặp lại anh Hàu, anh ấy nói Biên sắp đi lấy chồng.

— Anh ấy nghĩ cậu thế nào?

— Anh ấy mến tôi. Chúng tôi đã làm việc với nhau cùng đơn vị trước khi tôi đào ngũ. Việc Biên đi lấy chồng thì ngoài mọi quyết định, mọi sự bàn tính của anh.

— Hàu còn ở đây hay đã ra đơn vị rồi?

— Chắc đã đi, tôi không rõ vì anh ấy không ở đâu chắc chắn. Mấy lần sau tôi đến nhà tìm anh ấy đều đi vắng.

Buổi chợ tan. Tôi hỏi Hòa bây giờ định đi đâu. Hòa nói không biết, có lẽ lại về nhà anh Hoàng lên gác nằm đến chiều. Tôi hỏi rồi chiều đi đâu, làm gì, Hòa cười mệt mỏi nói lại bắt ghế ngồi trước hiệu sách nói chuyện với người đàn bà đến khuya. Tôi đi với Hòa một lúc, qua khỏi khu hỏa xa tôi từ giả Hòa, nói có lẽ chiều sẽ tìm lại nhau trước cửa hiệu sách đó.

Tôi ghé về nhà đưa em họ lúc vừa tan sở. Đưa em gái con người chú khon khó một đời vợ vả làm cơm, tôi ngồi nguyên trên ghế hút thuốc lá chờ. Trên mặt bàn, những bản tình ca thời thượng vắt vung vãi, mấy tấm ảnh cũ tôi đã chụp chung với Ngạc, với Đồng trong thị trấn này trước kia, một tấm ảnh thật cũ của Loan tôi nhờ đưa em gái cất giữ từ ngày vào lính, và tấm hình khác của Khang và Lộc. Trong đó tôi không tìm thấy tấm ảnh nào của Triêm. Tôi buồn bã xếp chúng lại, tiếp tục hút thuốc nhả khói qua khung cửa sổ xám mốc — khung cửa sổ của căn phòng trọ ngày xưa, dễ chừng cũng đã sáu bảy năm. Tình cờ, tôi tìm thấy một xấp thư trong ngăn kéo, những lá thư cũ trong đó có những đoạn tôi đã viết cho Thoa lúc Thoa chưa đi làm và những ngày sau này trước khi Thoa lấy chồng. Bây giờ Thoa sống với tên đàn ông đó, một gã không đứng đắn và kém hiểu biết. Tôi nói với Mỹ rằng tôi muốn gặp lại Thoa nhưng sau đó tôi thấy vô ích, tôi biết mình không còn giữ nguyên cái vị trí cũ trong gia đình sau một thời gian sống bạt mạng trên núi rừng. Cũng trong xấp thư đó, tôi tìm thấy nhiều lá thư của N. viết thăm Thoa, những lá thư viết từ nhiều nơi khác nhau làm tôi nghĩ rằng nàng đang sống một cách vất vả và vô định. Tôi tìm một lá thư có dấu nhật ấn mới nhất ngoài phong bì của nhà bưu điện mở ra đọc. N. đang sống với chồng, một sĩ quan tác chiến trú đóng ở Gia nghĩa, tỉnh Quảng đức. N. nói đến trời mây sương khói ở đó, buồn và chán nản khi nghĩ lại quá khứ. Nàng viết không có vẻ gì là đang yên phận với chồng, một người đàn ông mà nàng viết tắt cho Thoa là T. Tôi không biết T, có lẽ Thoa mới biết được. Nàng còn viết trong lá thư đó *« Cho gửi lời thăm anh Vĩnh. Hẳn là ông ấy vẫn còn sống ở đâu đó, phải không? Cho đến bây giờ mình vẫn không thể hiểu được tại sao hồi đó Vĩnh say mê mình đến như thế, chẳng lẽ ông ấy lại không biết rằng...? »*

Tôi xếp thư lại, bỏ tất cả vào ngăn kéo như cũ, nghĩ tới nàng trong áo xanh lần sau cùng chúng tôi gặp nhau, giọng nói nàng nhỏ và thanh, giọng nói say sưa của Đà Nẵng đã pha chế đi nhiều bởi bùn đất sương khói khi lạnh mưa dầm gió Lào và mặt trời cao nguyên. Trong lá thư chót nàng viết cho tôi, dứt khoát trước

nhận được sau một chuyến hành quân đơn vị bị phục kích nặng nề, tôi suýt chết trở về trại quân, tả tơi như một tên lính lê dương thời 1954, lá thư có câu : « *Dù ở xa, N. vẫn cầu mong anh sống mãi...* » Bốn năm qua, cho đến hôm nay thì tôi vẫn còn sống.

Trong bữa ăn, Mỹ hỏi tôi sao anh không về thăm quê nhà. Tôi không nói gì, không biết phải trả lời như thế nào. Mỹ nói là chú thích tôi rất mong tôi về ghé nhà, bây giờ ông bà đã già, đã mỏi, dù thế nào tôi cũng nên trở về. Tôi nghe, buồn bã, ăn vội cho xong bữa cơm. Mỹ cũng hỏi tôi về vợ con, đời sống và nhiều thứ khác. Tôi nói lấp lửng cho qua chuyện. Khi ăn xong, ngồi bên bàn hút thuốc, tôi hỏi Mỹ về Định, và những dự tính của hai người. Mỹ chợt tỏ ra im lặng, ăm ắp không muốn nói: Tôi biết Mỹ đang có mang với người đàn ông đó, hẳn đã bị đưa ra mặt trận và như thế việc cưới hỏi không còn cần thiết bằng sự sống chết của hẳn hiện nay. Có lẽ sau đó tôi đã nói một câu nặng lời làm Mỹ buồn và tôi bỏ đi. Tôi ra bến xe, la cà khoảng nửa giờ ở đó mà không muốn làm một điều gì cả. Tôi nhớ đến khuôn mặt Định, vẻ đần độn, mệt mỏi và phần nào lại có vẻ tinh quái lần gặp nhau duy nhất, đó là những ngày sau khi hẳn ra khỏi tù. Lần đó, thay vì tôi, Định đã nói lớn tiếng: « Anh và bạn anh đã làm tôi vào tù, anh biết không? » Lần đó tôi thay vì hẳn học, lại cười cười rồi nói: « Tôi và bạn tôi đã làm gì cho ông đi tù? Ông nhớ cho rằng chúng tôi chỉ là những thằng lính tác chiến cùng định ở trên rừng, chúng tôi làm gì bỏ tù được ông, một ông lớn vào hạng nhất nhì trong thị trấn này? »

Trưa nắng, bến xe vắng tanh, buồn bã và nặng nề. Tôi đón một chuyến xe đồ trống trải chạy lừ đừ về quận N. Lúc xuống xe ở quận lỵ cũ, tôi mệt mỏi ngồi uống một ly nước chanh nơi một quầy hàng vặt ngay trên bến. Sau đó tôi đi bộ đến nhà Triêm,

Triêm ngồi đọc sách trong phòng khách, nàng mặc áo ngắn tay. Thấy tôi, Triêm cười đứng dậy mời ngồi rồi đi mua nước đá pha nước chanh cho tôi. Bố Triêm không về buổi trưa, nhà có vẻ vắng, những đứa em nàng ngủ ở nhà sau. Tôi lấy khăn lau những giọt mồ hôi rịn ra trên trán, trên mặt, trên cổ, tôi nói với nàng mùa đông này có vẻ lạ. Nàng nói mấy năm qua vẫn thế, tại tôi không về thăm vào mùa đông nên mới thấy lạ đó thôi. Tôi hỏi, nàng nói phải đi làm trước hai giờ rưỡi, nàng cũng nói đảm học trò nhỏ thật ngoan làm nàng thấy vui và còn đủ can đảm để tiếp tục sống như thế, trong quận trấn cũ kỹ này. Tôi nói với nàng:

— Anh tưởng Triêm không cần tìm nhiều lý do đến như vậy.

— Anh giận sao ?

— Em nghĩ rằng anh giận em sao ? Thực ra anh chỉ buồn thôi không. ?

Nàng nín thính một lúc lâu mới ngập ngừng :

— Anh Bá về rồi, anh biết không ?

— Không.

— Như vậy chắc anh chưa biết những chuyện xảy ra ?

— Có, anh có biết. Bao giờ làm lễ cưới ?

Triêm cúi mặt xuống, đưa tay chống một bên má. Nàng chỉ nói thật nhỏ :

— Chưa biết, anh ấy chưa cho em biết.

— Bá bây giờ ở đâu ?

— Biên hòa.

Tôi châm lửa hút một điếu thuốc. Tôi nghĩ Triêm có thể làm lễ cưới trước cuối năm, như vậy mọi người yên tâm hơn. Triêm yên tâm hơn, Bá yên tâm hơn và tôi cũng yên tâm hơn. Tuy nhiên tôi không nói điều đó cho nàng nghe. Sau này, tôi sẽ trở về quận trấn cũ kỹ này của tôi mà khỏi phải đến thăm nàng, không cần phải hỏi lại thêm một lần nữa : đám học trò nhỏ có làm em bức mình không, khu phố cũ kỹ tàn phai này thế nào, có còn ước mơ một chuyến đi nào nữa, tỉnh lỵ buồn bã trên cao nguyên của tuổi nàng mới lớn, những kỷ niệm ray rức như nàng đã nói. Tôi nghĩ Triêm chưa hề nói những điều đó với Bá, có phải bây giờ họ không cần nhìn lại quá khứ của mỗi người nữa hay không ? Một câu nói của Triêm tôi chợt nhớ : « Em sợ có ngày không còn dịp nào nhìn ngắm lại quá khứ của mình nữa ».

— Anh còn ở địa chỉ cũ không ?

— Chỉ vậy ?

Triêm buồn bã nói :

— Em muốn viết thư cho anh sau. Bây giờ em không nó được, không giải thích được.

— Chắc anh sẽ không trở về trình diện đơn vị. Nhưng em có cần giải thích điều gì nữa đâu ?

Nàng gần như khóc. Tôi không muốn như vậy, tôi không muốn dồn nàng đến chỗ khó khăn phải khóc, tôi chỉ muốn nói thật điều tôi nghĩ. Nàng bỏ ra nhà sau. Ngồi một mình, tôi tiếp

tục uống ly nước nàng đã pha cho và hút thuốc là cố nhớ lại. Triêm của quá khứ, của thời kỳ còn nhiều tiếc nhớ quá khứ. Tôi nghe tiếng nàng đánh thức lũ em dậy sửa soạn đi học, sau đó nàng trở lại với tôi nhưng không ngồi xuôi xuống ghế, nàng đứng tựa vào chiếc bàn học bề bộn những sách vở, giấy bút học trò. Nàng có vẻ cố tạo ra một khuôn mặt bình thường, tỉnh táo, tôi biết như vậy, và nàng cúi mặt xuống, những sợi tóc phủ trên vai, trên má như một thời xưa chúng tôi yêu nhau. Tôi đứng lên, đến bên cạnh nàng, nắm lấy những ngón tay của nàng, mân mê ngón tay có đeo chiếc nhẫn hứa hôn với Bá. Tôi nói:

— Em nên sửa soạn đi dạy là vừa. Đừng buồn, anh không muốn...

Có lẽ tôi muốn nói đến một điều gì khác hơn. Triêm nhìn tôi ứa nước mắt. Tôi đã biết trước rằng có ngày chúng tôi rời nhau, mất nhau, nhưng quả thật tôi chưa hề nghĩ đến những giọt nước mắt đó. Tôi nói tiếp:

— Dù sao em vẫn nên nghĩ đến một phần của quá khứ như có lần đã nói.

Tôi buông những ngón tay nàng rồi bước đi. Tôi đi ra phố, loang quanh một lúc trước những cửa hiệu cũ, nhìn những cây phượng già trụi lá. Tôi biết Triêm đang nghĩ đến người đàn ông kia cho đỡ buồn, còn tôi, tôi không còn ai để nghĩ tới nữa, có chăng là những người bạn khốn khó của tôi ở những nơi này nơi khác.

Tôi đã không ghé thăm nhà, người chủ, người thím, những đứa em họ còn nhỏ, căn nhà tranh ở ngoại ô mà bố tôi đã bỏ lại mười mấy năm qua. Tôi đón xe đò trở lại thị trấn sau đó.

— Khi tôi đến hiệu sách thì Hòa đang ngồi nói chuyện với người đàn bà. Anh Hoàng đi vắng. Người đàn bà đưa cho tôi một mẫu giấy nhỏ, trong đó Nhân viết vội vã cho tôi: « Sáng nay tôi chờ cậu ở bên xe. Tôi đưa Sách về trình diện lại đơn vị, may ra được khoan hồng khỏi vào quân lao. Nếu cậu không đến bên xe gặp chúng tôi kịp thì hãy chờ tôi trở về, khoảng hai ba ngày sau. Sách có gửi lời thăm. Cậu cũng định bỏ đơn vị nữa hay sao?... » Tôi xếp mẫu giấy cho vào túi. Người đàn bà nói với tôi:

— Họ ngồi đợi Vĩnh suốt đêm qua. Sáng nay lại ghé nữa. Đi đâu thế?

Tôi nói dối là đêm qua uống rượu say quá, đến bây giờ vẫn còn mệt. Hòa nhìn tôi cười. Người đàn bà nói:

— Các ông, ông nào cũng thực lạ.

Hòa đưa thuốc lá mời tôi. Tôi rút một điếu châm lửa hút :

— Cậu lo phương tiện về Sài Gòn chưa ?

— Lo bằng cách nào được ?

— Thế phải làm sao ?

— Cậu hỏi chị Hoàng xem ?

Người đàn bà cười, bảo Hòa ăn mày mười phương cũng nên để một phương lấy vợ, hôm nào có đi thì cho biết để bà ta giúp cho. Chúng tôi ngồi nguyên chỗ cũ cho đến khi anh Hoàng về. Anh Hoàng chia cho chúng tôi xem một mẫu giấy nhỏ màu xanh đó là một tấm điện tín đánh đi từ Gia-định, báo tin Sự đã chết sáng nay ở Tổng Y Viện Cộng Hòa. Mọi người bàng hoàng nhìn nhau. Sau đó chúng tôi nhắc đến Sự như một dĩ vãng. Sau bữa cơm tối, anh Hoàng dắt chúng tôi sang ngồi trong một quán cà phê. Anh nói không thấy Thức tới để nhờ hản đi Phan Rang báo tin cho gia đình Sự. Buổi tối đã xuống buồn thảm bên trên một thị trấn. Tôi nghĩ Sự còn có một gia đình để người ta báo tin lúc chết, còn tôi và Hoà thì không. Hoà đốt thuốc lá hút, nói một cách thật chán chường cho anh Hoàng nghe :

— Bây giờ tôi cũng muốn chết đi cho xong. Có điều sau khi tôi chết rồi, tôi muốn đừng ai biết cả, ngay cả anh hay Vĩnh hay bạn bè hay người yêu gì cũng vậy. Còn nếu có, điện tín chỉ nên ghi tối đa như thế này : « Ông ấy đã tự sát. Xác trôi ra biển ».

THÈ VŨ

Nhatrang 10-70.

LỮ QUỲNH

bóng tối dưới hầm

Người đàn ông ngồi trên một chiếc ghế bằng gỗ tạp thấp, gã cúi người xuống, tì trán lên mu hai bàn tay lồng vào nhau. Thanh niên ngồi xòm, có vẻ đang chú ý nghe tiếng động trên nóc hầm, thỉnh thoảng hắn nhìn lên chút ánh sáng nơi lỗ thông hơi. Trong ánh sáng lơ mờ, khuôn mặt hắn hốc hác và linh động nổi bật an. Trong xó tối, cạnh đó, một thiếu nữ nằm im. Nàng mặc một cặp đồ đen, mái tóc xoả tung bẽ bết mồ hôi trên trán. Ba người như không chú ý đến sự có mặt của nhau. Căn hầm hẹp, bề dài khoảng hơn hai thước và bề rộng một thước rưỡi. Những giọt nước từ thành đất rỉ ra, thỉnh thoảng nhỏ thành tiếng xuống mặt hầm. Sự im lặng hình như tăng thêm. Trời bên trên hẳn đã hoàng hôn. Chút ánh sáng nơi lỗ thông hơi nhạt nhòa, không còn nhìn rõ. Thiếu nữ dựa mình trong bóng tối, cùng lúc người đàn ông ngồi thẳng dậy, gã nhìn mà không thấy gì cả. Gã nuốt nước bọt, rồi nói bằng một giọng khô tưởng như sắp chết khát:

— Ai đó?

Không ai trả lời gã hết. Có lẽ họ chưa chuẩn bị. Sự im lặng kéo dài suốt buổi, có khi cả ngày, làm họ tưởng mình câm.

Thanh niên có lần định lên tiếng, chỉ để xem mình có còn nói được không, nhưng hắn vẫn ngồi im lặng, cái cổ găng đó thôi cũng thật khó. Bây giờ hắn nghe tiếng người đàn ông hỏi, hắn tự hỏi mình : có đói không? Hắn không cảm thấy gì cả. Giọt nước cuối cùng đã hết từ buổi sáng. Nghĩ tới mấy thức ăn khô khan mà người đàn ông vừa gọi ra, cò hắn như càng khô thêm, đắng chát.

— Ai đói không?

Người đàn ông lặp lại câu hỏi một cách khó khăn hơn. Thiếu nữ trả lời gọn :

— Chú ăn đi.

Thanh niên nói tiếp :

— Khát. Không đói.

Người đàn ông :

— Tôi cũng vậy.

Cả ba người lại im lặng. Họ ở nguyên vị trí. Thiếu nữ nằm quay mặt vào thành đất. Nàng nghe trong đầu như có những mũi kim chích. Trong bóng tối dày đặc, nàng nhắm mắt lại, hai bàn tay rịn mồ hôi lạnh toát. Bỗng nàng ngồi dậy, hốt hoảng gọi người đàn ông :

— Chú Sừu, Chú Sừu...

Người đàn ông chồm tới, nắm chặt cánh tay thiếu nữ dẫn mạnh với nổi tức giận :

— Im ngay. Cô biết đang ở đâu không? Phải nhớ lệnh tôi, không được gây tiếng động. Sự chết đang ở trên đầu chúng ta.

Thiếu nữ nói nhỏ lại, thều thào thiếu đường hụt hơi :

— Xin lỗi chú, xin lỗi chú. Tôi sợ quá. Hình như tôi sắp lên cơn. Tôi lên cơn thì sao? Chú ra lệnh cho tôi đi, tôi lên cơn thì sao?

Người đàn ông chợt lo lắng, nhưng gã bình tĩnh ngay :

— Cô không lo gì hết. Sự xáo ra. có tôi.

Tiếng nói của người đàn ông nhỏ nhưng lạnh như thép. Thiếu nữ nghe lạnh sau gáy. Nàng nắm cong người lại, đưa hai bàn tay dầm mồ hôi bấu vào mặt. Nước mắt chảy ra lạnh lẽ. Thiếu nữ không nghĩ là mình đang khóc.

Thanh niên ngồi bệt xuống đất, hai tay bó gối. Hắn hỏi trong đầu: Ông Sửu và cô Liên vẫn còn hơi đề nói chuyện được, mình thì hết. Hắn dùng lưỡi rút nước miếng ra từ mấy chân răng, rồi nuốt xuống cổ. Nước miếng đắng. Trong bóng tối hắn đưa tay sờ soạng thân thể mình. Ông chân đây, đầu gối, mông xương sườn, cục xương nơi yết hầu. Hắn nuốt nước bọt. Nuốt sự trống không xuống cổ?

Tiếng người đàn ông lại vang lên:

— Ai khát?

Thanh niên chồm tới, rồi ngừng lại, ngồi xuống như cũ.

— Tôi. Có nước hả?

Người đàn ông:

— Không. Khát, rãng thức, đừng ngủ quên. Thế nào trời cũng mưa. Ta hứng nước từ lỗ thông hơi.

Thanh niên thở dài thoáng thất vọng, nhưng sau đó hắn cũng cảm thấy chút mát mẻ len qua tâm. Hắn nói với người đàn ông:

— Có lý. À, mà tại sao bà già biệt tăm thế?

Người đàn ông suy nghĩ một lúc:

— Tôi nghi loạt súng nổ trên đầu mình đêm qua quá. Có lẽ nào thế không nhỉ. Bà già bị lạc đạn, có thể bị bắn thẳng. Ban đêm ai biết bà già...

Thanh niên:

— Không đâu. Cứ hy vọng.

Thiếu nữ có lẽ đã ngủ thiếp. Người đàn ông nhìn về phía nàng, nhưng không thấy gì, gã ngàng cổ cao về phía thanh niên.

— Tâm à.

— Tôi nghe.

Im lặng một lúc :

— Theo anh, khi cô Liên lên con thì chúng ta phải làm gì ?

Thanh niên suy nghĩ, nhưng có lẽ không tìm ra cách giải quyết, hần nói :

— Ông tin cô Liên sẽ lên con thật à.

Người đàn ông :

— Mấy ngày ở dưới này cực khổ quá, Liên lại con gái, đau tim, và thỉnh thoảng bị rối loạn thần kinh... nước không có, thức ăn thiếu. Lại lạnh và hơi ẩm...

Thanh niên :

— Ông định làm gì ?

Người đàn ông im lặng. Thanh niên cảm thấy bồn chồn trong lòng. Hần mở mắt thật lớn, cố nhìn người đàn ông, nhưng không thể thấy gì ngoài màu tối thăm thẳm. Hần hình dung ra khuôn mặt thường ngày của gã. Một khuôn mặt thật lạnh lùng, rất ít khi xuất hiện giữa mọi người. Gã có những công tác thật bí mật. Những người chung quanh, có một số kính nể, nhưng cũng có số người khác thật e ngại gã. Họ không tin được cái mô lý thuyết mà gã được nhờ sẽ biến gã thành một con người toàn diện, tượng trưng cho tình thương, lòng vị tha và sự công bằng. Im lặng hay lạnh lùng, có lẽ là thái độ khôn ngoan nhất của những kẻ chưa có một lập trường hay một lý thuyết vững chắc. Thanh niên tự hỏi, sự lạnh lùng của người đàn ông có nằm trong trường hợp đó không ?

Người đàn ông nhớ tới một bài hát. Bài Từ ngày chinh chiến mùa thu. Cái không khí bấy giờ thật cảm động. Đêm giữa từ Mỹ lộc. Người nhạc sĩ đứng bên ánh lửa bập bùng, một chân gác lên chiếc ghế đầu thấp, gảy đàn guitare. Từ ngày chinh chiến mùa thu. Giọng hát của người tình gã. Người tình, có phải là người tình không ? Người con gái mặc áo nâu

và quần đen bóng, mái tóc kẹp sau gáy, đầu tóc chảy nửa lưng. Đôi môi không phấn son nhưng mọng thắm. Nàng hát, những đầu ngón tay bối rối quăn vào nhau. Tiếng đàn người nhạc sĩ chậm rãi. Anh ngừng, mặt lên trời mà đàn. Đàn, hững hờ, như không một chút bận tâm. Nhưng tiếng đàn, giọng hát đã làm những người ngồi vây quanh nhìn ánh lửa hồng mà chết ngất cõi lòng. Những đôi mắt ướt lấp lánh. Người con gái dút bài hát với những giọt nước mắt long lanh quanh mi. Nàng bước về phía gã. Sao em khóc? Khi câu hỏi đó bung ra, gã mới thấy mình quả thật ngu ngốc, lẽ ra không nên hỏi như vậy. Người con gái đưa tay chạm nhẹ những giọt nước mắt, nói thật nhỏ nhẹ: Em nghĩ tới sự chia tay ngày mai... Gã cay đắng trong lòng. Nghĩ tới sự chia tay, hay chính bài hát, tiếng đàn đã dẫn tâm hồn nàng gặp nỗi cảm xúc? Nàng cũng muốn dấu đi sự yếu mềm của mình. Ai cũng lựa chọn mình một cách trả lời cả. Lựa chọn. Ta phải lựa chọn trong ta một cái tôi, và thường xuyên giữ gìn để cái tôi đó vĩnh viễn không phản trắc, không nhầm lẫn, không đi sai đường lối. Ta phải canh chừng những giấc mơ, gã nghĩ, đó là sự lựa chọn đúng. Phải nghĩ tới tập thể, nghĩ tới những cứu cánh mà tập thể đó đang theo đuổi. Sự hành diện chỉ dành cho những người sống. Mọi người đều đang cảm thấy hành diện, không ai nghĩ mình sắp chết, nhưng cũng không ai từ chối sự chết đến với mình cả.

Năm giờ sáng hôm sau, những người tham dự đêm lửa trại lên đường. Người nhạc sĩ và một số lớn ra bến đò chờ vượt sông. Gã, một mình đi đường bộ với gói thức ăn và chiếc ba lô trên vai. Người con gái hát « Từ ngày chinh chiến mùa Thu » ở lại. Lúc ra đi, gã không gặp nàng, gã mang cái cảm giác lạnh đêngh của một thứ tình yêu không bao giờ được tỏ. Lúc gã vượt được một phần đường, lúc mặt trời vừa xuất hiện với những tia nắng đầu tiên, gã chợt nghe tiếng máy bay gầm và tiếp theo nhiều tiếng bom nổ và súng liên thanh. Gã dừng lại, nhìn về phía bến đò. Những đám khói bốc lên. Những chiếc máy bay đang chao lượn trên vòm trời. Gã ngồi đợi cho

đến lúc: những chiếc máy bay đó nối đuôi nhau bay thẳng về cuối trời, gã đứng dậy vội vã đi trở lại con đường cũ, gã chạy thẳng ra bến đò. Gã thầm mong người nhạc sĩ và đoàn người đã vượt khỏi bên kia bờ sông từ lúc trời còn tối. Nhưng gã thất vọng. Lúc gã đến nơi, bến đò còn thừa thớt người. Đồng bào vẫn còn ngại máy bay có thể trở lui oanh tạc nữa, những người y tá đang hút hải di tản số người bị thương về trại cấp cứu. Nhưng xác chết còn nằm nguyên chỗ, gã thấy xác người nhạc sĩ nai chân chìm dưới nước, phần thân thề còn lại nằm sấp trên bờ. Gã gỡ ba lô, gửi thức ăn trên vai xuống, bước tới kéo xác chết lên hẳn trên gò đất cao. Người nhạc sĩ chỉ nhắm một mắt. Con mắt còn lại mở lớn, trông mắt lồi ra đến hai hừng. Chiếc áo nâu của anh rách một mảng lớn, phai màu da tai xam với một vết máu đã đông lại. Xác người nhạc sĩ tương đối lẳn lặn. Một viên đạn xuyên qua tim. Cái chết trong những cuộc oanh tạc ô ạt được như vậy, quả thật có dị dạng. Gã nhìn xác chết, nhớ tới đêm lửa trại trước đó, với hình ảnh người nhạc sĩ vừa gảy đàn vừa ngược mặt nhìn trời cao. Tiếng đàn của anh như còn văng vẳng đó, lời hát buồn cũng chưa phai. Từ ngày chính chiến mùa thu... Bây giờ cũng mùa thu. Anh chết giữa một buổi sớm mùa thu. Gã chợt nghĩ tới, nhưng không dám tin, là cái không khí buồn bã đêm qua, với những ánh mắt rơm rớm là cái điềm báo trước sự ly tán vĩnh viễn bây giờ.

Gã nhìn xác người nhạc sĩ, nhìn những người chung quanh rồi lặng lẽ khoát ba lô, gửi thức ăn lên vai. Vẫn một mình, gã trở lại con đường cũ. Gã cúi thúi đi và bây giờ gã nhìn nước mắt nhỏ xuống, mà không nghĩ rằng mình khóc.



Trong bóng tối của chiếc hầm chật hẹp, người đàn ông cố nhìn bàn tay mình mà vẫn không thấy nổi. Gã vừa nghĩ tới những kỷ niệm thật xa, và lúc này gã thấy rõ mình trong thời gian ấy, gã đã khóc thật trên quảng đường công tác, sau khi

nhìn người nhạc sĩ chết, gã đã khóc rõ ràng. Con tim đã bắt gã khóc : gã khóc chứ không phải cái tôi mà gã đã chọn lựa, cái tôi không bao giờ mềm yếu, phản trắc, lăm lăm ấy khóc cả.

Ngày đó gã chưa già như bây giờ, dĩ nhiên. Đứa con lớn của gã 8 tuổi. Gã chiến đấu hết mình với rất nhiều hoài bão. Gã nghĩ gần gũi nhất, ít ra, gã cũng chiến đấu dù phải chết đi, cho đàn con gã sống. Gã hy sinh để nhìn lũ trẻ được tự do sống sau này, được trở thành những con người chứ không phải những tên nô lệ. Nhưng mấy năm qua, sự chiến đấu của gã vẫn còn. Đứa con trai lớn của gã đã cầm súng tham dự và đã gục chết. Trọn đời với một niềm tin vào sự thanh bình cuối cùng cho đất nước, nhưng niềm tin đó đã mỗi mòn. Gã cảm thấy ý chí đã lụi và sức khoẻ yếu kém hẳn.

Bây giờ giả sử bà già, chìa khóa của cái hầm này, đã chết thật, thì gã phải làm gì đây ? Cuộc hành quân hẳn đã đi qua. Bọn gã sống dưới này đã trọn hai ngày đêm. Gã cảm thấy sốt ruột. Bỗng một ý nghĩ thoáng qua óc gã, hãy đội nắp hầm và vượt thoát. Chỉ có chết và sống. Gã hoàn toàn không bận tâm về điều đó. Sống hay chết chỉ là một.

Bàn tay người đàn ông mò mẫm trong bóng tối tìm mấy quả lựu đạn. Chợt bàn tay gã chạm vào chân người thanh niên. Gã vội vã rút tay về. Nhưng thanh niên đã nhận ra. Hắn cảm thấy ái ngại, vì cảm giác hốt hoảng của người đàn ông đè lại trên da thịt. Hắn hỏi :

— Ông Sừ đấy hả.

Im lặng. Thanh niên hỏi tiếp :

— Ông tìm gì đấy ?

Giọng người đàn ông bối rối :

— Không.

Thanh niên chợt tưởng tượng ra một sự phản trắc. Hắn nghĩ đến cách đề phòng. Hắn vội vàng di chuyển mấy quả lựu đạn sang một vị trí khác. Giữa lúc đó, thiếu nữ chợt vùng dậy.

— Chú Sửu à.

Người đàn ông :

— Cô Liên gắng ngủ đi. Đừng gọi lớn quá.

Trong bóng tối, thiếu nữ cảm thấy chới với khi nghe tiếng nói của người đối diện. Tiếng nói, chỉ có tiếng nói thôi. Ma quái quá sức. Tiếng nói. Trong căn hầm chỉ có tiếng nói và tiếng nói thôi, thiếu nữ nghĩ, mình cũng không nhận thấy mình, tiếng nói không biết có phải là của mình không nữa ?

— Chú Sửu à.

Thiếu nữ muốn nghe tiếng mình, nhưng người đàn ông không hiểu.

— Cô đừng gọi mãi như thế.

Thiếu nữ nuốt nước miếng và thở hồn hèn :

— Chú ra lệnh cho tôi đi, khi tôi sắp lên cơn thì tôi phải làm gì ?

Người đàn ông :

— Tôi đã trả lời cô rồi. Cô gắng ngủ thêm một chút để lấy lại sức.

Thiếu nữ dựa lưng vào thành đất, hơi lạnh thấm qua lưng, làm nàng cảm thấy dễ chịu.

— Chú có biết chuyện ngày trước cha tôi điên như thế nào không nhỉ ? Ông ta uống rượu cần luôn ly. Ông ta nhai mề chài giữa hai hàm răng và máu chảy ra đỏ cả khước miệng....

Người đàn ông hốt hoảng khi nghe thiếu nữ kể đến đây. Gã sợ câu chuyện sẽ làm nàng lên cơn thật sự.

— Cô Liên, tôi bảo cô gắng ngủ đi. Dạo đó ông cụ uống rượu say, chứ đâu phải điên khùng gì. Tôi biết rồi. Cô ngủ đi, phải ngủ đi cô Liên.

Thanh niên xích vào gần thiếu nữ. Hắn chuẩn bị phản ứng đối phó, nếu nàng có hành động làm lộ mục tiêu. Sự im lặng kéo dài một lúc lâu. Sau đó, thiếu nữ vẫn lên tiếng :

— Chú Sửu, cả anh Tâm nữa... Các người phải cho tôi biết

(chụp mất một hàng)

Người đàn ông :

— Không bao giờ cô lên cơn cả. Tôi tin vậy mà.

Thiếu nữ :

— Chú tin vậy, hay chú đang nghĩ tới cách chú sẽ bóp cổ tôi chết, lấy dao găm đâm lút tim tôi ? Còn cách nào nữa không nhỉ ?

Người đàn ông sợ hãi. Gã cố trấn an thiếu nữ, nhưng giọng gã thật lúng túng :

— Cô đừng nói vậy. Xin cô hãy gắng ngủ đi...

Thiếu nữ giận dữ :

— Ngủ, ngủ, ngủ,...

Người đàn ông chồm tới. Gã muốn tỏ phản ứng để thiếu nữ hiểu, nhưng trong bóng tối dày đặc, không còn cách biểu lộ nào khác ngoài tiếng nói. Mô mẫm một lúc mới nắm được tay thiếu nữ, gã dịu dàng.

— Cô đừng giận. Phải biết rằng chúng ta đang ở đâu. Sự sống của chúng ta hoàn toàn tùy thuộc vào nhau. Sự sợ hãi của 1 người, sẽ giết chết cả bọn...

Thiếu nữ lạnh lùng :

— Tôi biết như vậy. Nhưng tại sao chú không nói thẳng điều chú đang nghĩ. Tôi đâu sợ hãi gì. Tôi chấp nhận mà. Chết để cứu những người khác sống là một bổn phận. Tôi biết chú, anh Tâm sẽ giết tôi ngay, khi cơn điên của tôi bộc phát. Chú hãy nhận đi. Tôi không bao giờ làm phiền các người cả...À, mà tại sao bây giờ mẹ tôi chưa xuất hiện nhỉ... Đầu đêm, hình như chú bảo có thể mẹ tôi đã chết...

Thiếu nữ nói nhỏ, đủ nghe, làm người đàn ông yên. Gã nói :

— Cô suy nghĩ nhiều quá. Tốt nhất là bây giờ chúng ta nên im lặng. Bà cụ... Trong một phút tuyệt vọng quá, bọn tôi nghi ngờ vậy thôi. Sự thực, như cô biết... không có gì chắc chắn khi ta còn ở dưới này... chỉ toàn phỏng đoán... có thể mấy

mấy ngày qua... (chụp mắt vài chữ)

Thanh niên mệt mỏi, ngồi gục đầu xuống hai đầu gối ngủ thiếp từ lúc nào, người đàn ông trả lời thiếu nữ xong. Gã, ngã lưng vào thành đất, gã nghĩ tới bà già, mẹ Liên, và tự hỏi một lần nữa: bà ta chết rồi chăng ?

Những ý nghĩ buồn thảm hiện ra trong đầu thiếu nữ. Nàng nghĩ tới người mẹ, rồi ứa nước mắt. Kể từ ngày cha chết đi, mẹ đã kéo dài chuỗi sống hăm hui với anh Ba và nàng trên mảnh vườn nhỏ với hoa lợi mỗi ngày chỉ đủ sống. Bà thường ái ngại nhìn hai con với nỗi lo lắng duy nhất: bệnh thần kinh di truyền. Hình ảnh của người chồng trước khi chết đã làm bà hải hùng tưởng không bao giờ nguôi. Sau này, vì cuộc sống bất ổn ở thôn quê, anh Ba bỏ lên tỉnh đầu quân vào lính. Người mẹ bề ngoài tỏ ra phàn nàn, nhưng tự thâm tâm bà hải lòng. Dù sao nó cũng yên được một bề, còn hơn ở nhà đề chịu không biết bao nhiêu áp lực. Thời buổi chiến tranh, lòng nhân đạo thường vắng mặt, chỉ thấy có áp bức, đe dọa và tàn sát. Sau khi vào lính, thỉnh thoảng anh Ba có về thăm nhà. Da anh đen, nhưng thân thể cường tráng ra, làm mẹ hải lòng lắm. Chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, làng trở nên bất an, anh Ba chỉ ghé thăm nhà trong những dịp hành quân qua. Anh khuyên mẹ và em hết lời, nên bỏ làng lên tỉnh sống, nhưng mẹ suy nghĩ mãi, rồi không nghe. Mẹ không quen sống ở thành thị, hơn nữa ra tỉnh sống, có nhiều vấn đề đặt ra quá. Từ cuộc hành quân qua làng lần đó, anh Ba không bao giờ trở về. Làng bị oanh tạc thường xuyên. Hai mẹ con như sống giữa gọng kìm. Hải hùng tất cả. Họ sống giữa nỗi hoài nghi của mọi người. Và chỉ còn một cách duy nhất để sống là trốn. Người mẹ nhận làm cái chìa khóa cửa căn hầm từ đó. Người đàn ông giữ thiếu nữ như một con tin. Không còn cách nào hơn, mọi thủ đoạn chỉ có tính cách tạm thời, cố

gắng thoát chết từng ngày, cố gắng vượt qua từng chặng nguy hiểm.

Thiếu nữ nhớ lại những lời của người đàn ông thanh niên vào lúc đầu đêm. Bà già có thể bị lạc đạn chết rồi. Nàng cũng linh cảm thế. Nếu không, tại sao hai ngày qua, mẹ không xuất hiện. Mẹ chết rồi chăng? Thiếu nữ như thăm, rồi nuốt nước mắt xuống cổ. Nàng cắn môi để khỏi bật khóc thành tiếng.

Trong góc hầm, người đàn ông cựa mình. Bàn tay gã mò mẫm trên mặt đất một lúc rồi dừng lại. Gã cất tiếng gọi:

— Tâm à.

Thanh niên cũng vừa tỉnh.

— Gì thế?

— Có lẽ trời sắp sáng.

— Đồng hồ tôi chết máy từ hôm qua rồi.

Người đàn ông thở dài. Một lát sau gã rụt rè hỏi:

— Anh có nghĩ gì không?

Thanh niên lạnh lùng:

— Ông muốn tôi nghĩ gì?

— Nghĩ bà già chết rồi chẳng hạn...

— Sau nữa?

— Nghĩ cô Liên sẽ lên cơn điên...

Thanh niên nghe lạnh tận đáy lòng. Hắn đưa hai bàn tay lên áp má.

— Ông đã chuẩn bị cả rồi mà.

Người đàn ông:

— Vâng.

Thanh niên:

— Cô Liên cũng đã nghĩ ra những gì ông sẽ áp dụng khi

cơn điên bộc phát...

— Anh nghĩ còn cách nào hơn?

Thanh niên im lặng. Người đàn ông nhìn sừng vào bóng đêm. Trong khi đó, thiếu nữ vẫn tỉnh táo. Nàng nghe cuộc đối thoại giữa hai người đàn ông một cách dửng dưng. Nàng cảm thấy tâm hồn bỗng sáng láng lạ lùng. Còn cách nào hơn. Nhưng họ sẽ giết mình bằng dao găm hay với hai bàn tay siết cò?

Bằng dao găm hay bóp cò? Thiếu nữ choáng váng. Nàng nghĩ tới mẹ, tới anh Ba, rồi lằm bằm trong trí. Có lẽ mình sắp lên cơn thật.



Lúc đó thanh niên mở mắt, hắn thấy ánh sáng lơ mơ hiện ra ở lỗ thông hơi. Hắn ngồi yên, mãi mê nhìn lên chút ánh sáng nhỏ nhoi đó. Hắn chợt cảm thấy nhớ ánh nắng đầu ngày lạ lùng. Hắn nghe bức rức trong lòng. Một chút nắng, chỉ một chút nắng của trời mà hắn cũng phải thêm khát. Hắn nhìn người đàn ông đang ngủ say trong một góc tối. Không biết trong đầu óc gã trong những ngày qua đã nghĩ những gì? Có nghĩ tới việc vượt thoát khỏi căn hầm này không? Bà già có lẽ đã chết thật rồi. Hắn nhìn người đàn ông ái ngại, không cách nào hiểu nổi con người đó.

Thanh niên đưa tay mò mẫm mấy quả lựu đạn mà đêm qua hắn vùi dưới cát. Hắn nghĩ đến cách thoát khỏi căn hầm. Không còn cách nào hơn. Hãy chấp nhận trước mọi rủi ro. Sống hoặc chết. Hắn chợt nghĩ đến số tuổi hai mươi của mình. Số tuổi mà chiến tranh đã tước đoạt mọi ý nghĩa, đã cướp hết thời gian để sống của hắn. Hai mươi tuổi, hắn không có một chọn lựa nào hết. Sinh ra và lớn lên giữa chiến tranh, hắn thụ động trước mọi áp lực. Hắn như con thú sợ hãi trước mọi họng súng của thợ săn. Ai cũng có thể bắn ngã, và suốt cả một phần đời hắn chỉ biết chạy trốn. Hắn cảm thấy cay đắng

và nước mắt chực trào ra khi nghĩ đến cái chết như cơn trùng của mình. Một cái chết tê lạnh như nỗi tình cờ.

Người đàn ông cựa mình rồi choàng mở mắt. Bấy giờ ánh sáng đã giúp thanh niên nhìn rõ gã :

— Lại một ngày mới...

Giọng gã đặc sệt.

Thanh niên không nói gì. Hắn chăm chú nhìn lên lỗ thông hơi. Người đàn ông đảo mắt khắp mặt hầm với ánh mắt đầy mưu toan. Bỗng gã ngừng lại ở thiếu nữ. Nàng nằm sấp, một phần thân thê chệch ra ngoài đất, mặt úp xuống im lìm. Gã chăm chú nhìn, khuôn mặt mỗi lúc càng tái, rồi như không kìm nổi sự hốt hoảng, gã gọi :

— Cô Liên, cô Liên !

Nhưng thiếu nữ không cử động. Người đàn ông chồm tới, băng qua người thanh niên, đặt tay lên bàn chân nàng. Bàn chân lạnh ngắt. Lúc đó thanh niên cũng vừa kịp hiểu, hắn giúp gã đỡ nàng dậy. Nhưng thiếu nữ đã mềm nhũn ! Một vết cắt trên cổ tay trái, máu đọng đen dưới một khoảng đất ướt.

Không khí trong căn hầm đã đổi khác, Trong thứ ánh sáng còn nhạt nhòa bóng đêm, người đàn ông nhặt chiếc ly vỡ từ một góc hầm. Gã im lặng ngồi ngắm mớ thủy tinh trong tay. Thanh niên thì mân mê quả lựu đạn mà hắn lấy ra dưới cát từ lúc nào. Hai người tránh nhìn xác thiếu nữ, họ cũng không nói với nhau một lời.

Có lẽ trong đầu họ bây giờ, bóng đêm là thứ ánh sáng duy nhất, là niềm hy vọng cuối, mà họ chờ đợi.

LỮ QUỲNH

VÕ TẤN KHANH

thơ

LỜI CHIA CÁCH

1.

đêm chia người nửa canh đời
tôi hoài vãng nhịp thương lời biển dâu
hắt hiu đồng vọng tiếng sầu
đèn chong trắng đĩa gầy hao dáng mình
cõi người đất dậy âm binh
mắt chao lời ngợp chân tình ước xưa
phân vân cánh đập còn ngờ
nửa mai nắng gột chia bờ nước xuôi

2.

đêm tan dòn tiếng ngọt bụi
hiên mưa thoát lạnh đèn vui bắc tàn

Ỗ THỨC 4

tôi hoài cơn mộng chia tan
xót xa từng trận cơ hàn bữa vầy
chim khuya xao xác gọi bầy
nỗi riêng chưa cạn niềm tây bỗng chùng

3.

đêm người xuống giọt bao dung
đêm tôi hoài nỗi cơ cùng biển dâu

ĐÊM NGỦ Ở CHÙA THÁNH

lá vi vu động tiếng thiền
nằm đây cõi tịnh xa triền bể dâu
canh dòn gõ nhịp thừa mau
hồn xa vắng giọng chim sấu rúc khuya
trăm năm lỡ lạc đường về
mắt chong cò quận hồn mê nẻo trần

THUÔNG

Bền chiều tịnh giấc cô miên
ta phơi hồn ngủ trên miền tịch liêu
sông xưa ghềnh bãi tiêu điều
cát khô tâm sự điều hiu bóng tà
thoát hồn chưa nhập yêu ma
bỗng nghe ngày sụp ta bà sắc không

VÕ TÂN KHANH

PHAN TẤN UÂN

trên sợi tóc buồn

Người đàn ông giờ cao chiếc đèn bão, quờ quật men bước trên con đường làng dày đen bóng tối, Ánh sáng bị bung kín dưới hai hàng tre chụp xuống, di động như ánh ma trời. Một loạt súng rời rạc nổ đầu phía bờ đê Bến Nhì. Tận đầu xóm ngã Ruộng Hoang, một con chó nào thật tốt giọng sủa gâu gâu inh vang. Tiếng sủa ầm ập dội đều bay đi trùm chụp khoảng đêm tĩnh lặng quanh ngất. Người đàn ông lưng hơi cúi thấp, sà quanh chiếc đèn bão ngó chừng một chỗ đất hũng sâu lấp lánh một màu nước đục vàng Trận mưa giống buổi chiều còn đọng nước trên những lá cỏ, những đọt tre ở hai mép đường. Con xóm cũ nay đã thêm đất cao lên, người đàn ông, chập choạng sau ánh đèn, đã nhận rõ cảnh trí không còn quen thân như ngày nào. Một mùi gì thoảng xông lên từ mặt đất, y còn ngửi thấy trong đó nỗi thân thiết đậm đà cùng vẻ hiền lành ngọt mật ở quê cha. Y giương mắt ngó lên phía đồng. Con kênh Ruộng Bái lúp xúp từng bụi cây lù lù đứng im giữa đồng không. Con kênh đó, một ngày nào y đã bơi xuống những đêm khuya ra câu cặm, chở về những mẻ cá tươi ngon hâm nóng niềm vui gia đình. Bây giờ thì chẳng còn được ngon

đèn nào sáng leo lét dưới bờ kènh. Tất cả quanh đó nằm im lìm thao thức đợi đón từng nhịp động rình rập bủa vây. Khi queo qua con đường đồng trống không mông quanh, người đàn ông chợt nảy thắc mắc không hiểu do đâu mình có thể đi ngủ ngủ bình an trong làng.

— Vặn đèn sáng thêm chút nữa đi.

Tiếng nói rên rên từ phía vọng canh phát ra. Người đàn ông đứng lại, dong cao chiếc đèn, vặn xoay sợi tim nhí lên thêm. Y thông đèn xuống, thông dong rảo đi. « Quái thật, gần cả hai chục năm rồi, đâu phải hai ba ngày mình xa xóm bỏ làng sao thẳng gác trong chòi không chịu hỏi han bắt bẻ gì ráo? » Qua khỏi vọng canh, y cố nhớ coi tiếng thẳng nào vừa nói. Chứng như một người tự vệ trọng tuổi mắt lèm nhèm trong cơn ngáy ngủ đã lền rên nói tiếng đó, ở cuối phiên gác. Y sai đi nhanh hơn. Những bước chân đêm sờ trường gần hai mươi năm xa xứ đem về, y quên bằng không biết mình đã vô tình làm lạ mặt quê cha. Gần hai mươi năm những gì đó y lãnh hội, có cái ăn ngậm trong túy cốt khó nôi gột sạch, có cái như hơi bụi bám vào mình làm y bức hơi tức thở.

Người đàn ông dừng lại trước cổng ngõ một ngôi nhà. Con chó tốt giọng không ngờ ở ngay trong đó, đánh hơi y, chồm ra sủa lông lộn. Cánh cổng ngõ gài cứng, y đứng ngoài hất mặt nom vào. Khoảnh sân hoang tàn hiu vắng buồn áo não. Mấy khung cửa kín chặt im im. Y lầm bầm : « Không lẽ mấy tấm phen tre trét phân trâu xiêu mục vẫn còn ? Mấy đám rêu ủ mốc cụm cỏ thắm xanh lại bám dày thêm xuống chân hiên, hè nhà ? » Y bần chồn tưởng nhớ khuôn mặt trầm buồn của cô Liên, nỗi quanh ngát tình cha của thằng cu đầu lòng ngày xưa. Giờ này thằng cu đã hai mươi tuổi, cô Liên tóc cũng bạc sớm đầy đầu. Biết hai mẹ con nó có còn sống đề ngủ mê trong căn nhà kỷ niệm yêu thương kia ? Có ai cho cô Liên biết tấm tích y để đón đợi bước quay về ? Con chó nhảy sủa náo động ngoài ngõ đêm nay không lý cô Liên, thằng cu vẫn yên trí nó sủa bóng ? Người đàn ông lúng túng kiếm cách đánh thức người ngủ

trong nhà. Đêm trọng thu xuống gần canh ba. Một cơn gió đồng thời sà ngang đột bại hóp ủa đến xát lạnh lên da thịt y. Y thêm một hơi cảm lệ. Ngày nào kỳ hút ban đêm, bây giờ y chẳng còn gì để ngăn ngại. Đứng chờ chập lâu, người đàn ông nghiêng đầu dựa vào cột cổng tre. Y mơ màng lắm nhắm một câu gì đó rất buồn sâu ẻ ử. Con chó bất thần nhảy chồm ra cào sướt cột cổng. Người đàn ông bật nảy mình, nhích ra đứng thẳng ở giữa. Y lại giương mắt ngó vào nhà, thất vọng. Cu ời, ba về đây con, Liên ời... Y vọt miệng gọi lớn :

— Liên ời ! Liên...

Con chó thôi sữa, trở giọng gừ gừ, chiếc đuôi chùng như muốn ngoe nguẩy. Người đàn ông gọi thêm một tiếng Liên nữa, định đạp chiếc cổng tre dẹp xuống, tuôn vào nhà.

— Đêm hôm có chỉ kêu ầm lên rứa ?

Người đàn ông vọt quảy qua phía tiếng nói rền rền. Một nòng súng nhỏ ngù ngờ trờ tới phía y từ một giường ruộng ngã trên đồng. Rồi một bóng đen lù lù hiện ra rõ dần. Người đàn ông bất giác bực tức mạnh. Y xách chiếc đèn bảo dơng cao lên, vịn thêm ánh sáng, chẳng chân đứng giữa mặt đường, làm đúng về một người hợp pháp. Y nhìn qua thoáng biết bóng đen là một người tự vệ già trạc quá tứ tuần. Người tự vệ mới bắt thấy y hốt nhiên run hoảng lấy bầy. Ông loạng quạng nắm chặt cây súng vụng về nhích mình qua sau bụi hóp, nhắm bắn người đàn ông. Người đàn ông, trong thoáng chốc sập mình xuống đất, la lớn :

— Bác...tôi là người nhà cô Liên trên phố về thăm.

— Thiệt không ?

— Dạ thiệt.

Người tự vệ vẫn giữ nguyên tư thế cây súng. Ông nhìn lại người đàn ông, vẫn thấy y như một thứ yêu quái nào đó hiện giữa đêm không. Người tự vệ già ra lệnh :

— Mi dơng tay đứng dậy tao coi.

Người đàn ông ngoan ngoãn đứng dậy, bụm tay chạm lên đầu. Người tự vệ già vẫn còn nghi nghi một điều gì.

— Mi thử nháy lồm xồm dậm chân đập đập xuống đất tao coi.

Người đàn ông làm theo, tiếng chân lui đui kêu dội dưới đất. Người tự vệ già yên trí, lách mình ra khỏi bụi hóp. Chừng xáp mặt người đàn ông, người tự vệ già đâm khó hiểu, kinh ngạc lớn hơn. Ông lắc đầu lập bập.

— Không tin mi nời.

Rồi ông hất mặt hỏi :

— Phải mi vừa xách đèn bão đi ngang vọng canh trên đồng ?

— Dạ.

— Răng mi mò vô được đây ?

— Dạ có người ngoài chợ Cá cho mượn cái đèn này.

— Mi lộn lạo quá.

Người tự vệ già lấy cao cái nòng súng ngoáy một dấu hiệu bắt người đàn ông đi theo. Ngồi nhà người đàn ông về tìm thực sự đã không còn sở hữu của cô Liên Chuyện đó xảy ra cỏ trên mồ mọc cao đã không biết mấy mùa. Người đàn ông, nhận mình là người nhà cô Liên trên phố, lẽ nào không biết. Cô Liên đã bỏ lìa xóm làng cũng kể từ dạo đó, gần hai mươi năm rồi. Đêm hôm khuya khoác y còn trở về réo gọi tên tuổi cô Liên, có ai tin được. Người tự vệ già dẫn người đàn ông lên trụ sở xã đề trên đó quyết liệu. Hai người lui bước nhẹ nhàng thăm lặng. Người đàn ông vừa đi vừa quay nhìn kỹ ông tự vệ. Thằng Hoái. Thằng Hoái Bạ thân y ngày cũ. Không còn gì đáng nghi ngờ. Thằng Hoái nay đã già hần, cặp mắt lèm nhèm nhìn không đâu vào đâu. Sao thằng Hoái không hiểu người đàn ông không là kẻ gian lèn vào làng nếu thế thằng Hoái đâu có toàn mạng với y. Người đàn ông muốn gọi lại một vài hình ảnh thiết mến thuở trai tráng với ông tự vệ,

xem chừng ông ta càng giữ tiếng dè dặt gắt, y im luôn. Y quay qua nhớ những đêm hai đứa bơi hai chiếc xuồng con lên con kênh Ruộng Bái cắm câu, buổi khuya con đoi trở dậy, hai đứa cùng cột xuồng vào một chân cầu tre, lên bờ ngồi mở mo xôi dẻo kẹo rọt qua về xán xôi ăn ngốn ngấu. Khuya nào tối mù, thằng Hoái lôi luôn cả ống đèn lồ-ô dưới mạn xuồng lên châm sáng như một bó đuốc, cấm pháp xuồng bờ đất. Người đàn ông ngày đó vẫn rất khoái chiếc đèn bảo. Y gắn chiếc đèn trên mũi xuồng thấp sáng mỗi bận ra kênh. Thằng Hoái có lẽ vẫn không quên nổi những khuya có trăng đầy treo lơ lửng giữa vùng trời nghĩa-địa Ruộng Hoang. Mặt trăng tròn thả ánh sáng bạc long lanh trên đồng quê. Những luồng đất ran trắng hếu nhấp nhô bằng qua từng cánh ruộng. Những cánh ruộng rộng ngút bờ chân đê Bến Nhì. Thằng Hoái phải sạch chiếc mo cau bơi xôi bó chặt lại bằng sợi dây chuối sứ trắng mềm, cắt giữ dùng vào đêm sau. Người đàn ông xách ấm nước rót vào hai cái ly đặt nghiêng nghiêng giữa đất. Một gói thuốc rê thằng Hoái lặn dưới lưng quần được lôi ra quần hút. Hớp một ngụm nước chè xanh, phì phà một hơi thuốc rê ngấm con trăng diễm ảo, thằng Hoái ngồi kể di dỏm ba bảy câu chuyện vớ vẩn trong làng. Người đàn ông nghênh tai nghe, cười tùm tùm. Những lúc đó, rất bất chợt, thằng Hoái thường bắt gặp đứa bạn mình trí óc lan man xa lạ vô cùng. Hắn lượm ngay một hòn đất rang cứng như đá liện cái cộp ra cánh ruộng « Ai hớp hồn mi ? Con Liên há ? » Người đàn ông chợt tỉnh, cười thật tươi. « Con Liên mê mi bức chết mà, đề tao giúp mi một tay. » Thằng Hoái có công lớn tác dựng nên cặp vợ chồng của bạn hắn. Người đàn ông vẫn bồi ngùi nhớ ơn thằng Hoái suốt đời. Hắn thằng Hoái cũng nhớ những kỷ-niệm làng vắng đầu đó.

— Hoái, Hoái.

Người đàn ông tự xưng bạo miệng gọi đích tên ông tự-vệ. Y định trộm thử coi thằng Hoái còn nhớ y không. Ông tự vệ bặm môi lại, nghiêng răng trèo trẹo. Cố làm tỉnh khô, ông trở

giọng đe người đàn ông :

— Mi điên à ? Cái chi mà hoái hoái rứa ? Hì ? Tao động đầu mi trên xã mực sức cho mi hoái.

Ông Hoái đe người đàn ông xong, cúi xuống ngậm ngùi xót đắng. « Hân còn nhớ thằng Hoái tra ni, thì thằng Hoái làm rã quên hân được. » Có nhiều nông nỗi tê đau để lại ông Hoái mang, sau hôm người đàn ông lìa bỏ quê cha. Y đi không còn thấy gì nữa, sau lưng y là vùng quê hương khói đục lem luốc búa kìn bà con. Thằng Hoái ngó lui quá khứ chột nhận ra mình không hiểu gì đũa bạn hết. Y bật mà tằm hơi quá lâu, tưởng chết non đầu trên một bãi chiến hung hăng, không đứng bây giờ lộn về kêu đích tên thằng Hoái. Ông Hoái ngần ngơ sừng sờ. Con kênh Ruộng Bái, nghĩa địa Ruộng Hoang, chân đê Bến Nhì ngày xưa đắp đôi dặm đà tình bạn sản khoai, ông Hoái nghĩ sót lại. thấy có lúc trong đời, mình phải dỗi gặt lòng mình, cỗi lòng trắng sáng thương yêu bị mừng mủ tê đau vì những trí trá bội bạc, những tình cảm xô lệch giấu che, những kỷ niệm mờ nhòa trong ký ức.

Những bước đi lặng thầm trong tối u uất một nỗi buồn lạ mặt, không tên. Ông Hoái bị hút tung vào cái vòng luẩn quẩn giữa tình cảm lý trí. Người đàn ông vẫn thản nhiên bước đi không xao động. Y thừa biết chuyển về làng quê của y sẽ không dễ gì làm thằng Hoái chóng vánh tin ngay. Mặc dù ông Hoái vì một căn cơ nào đó vẫn tìm cách đánh lãng sự quen thân ngày cũ, người đàn ông cũng gắng bắt chuyện :

— Bác nè, con chó nhà cô Liên sủa tốt giọng quá há ? Chắc chủ nhà làm ăn khấm khá.

Ông tự vệ lại vẫn sừng sộ mạnh hơn :

— Tao đã nói mi im miệng đi. Con chó vện đó há ? Kệ cha nó mắc mớ chi mi.

Người đàn ông vẫn cười mủm mím, lơ mơ bắt gặp sự che giấu tình cảm ở người bạn già. Đêm chìm nặng dày sâu trên lối đi. Những đợt tre là mù đau nhau trên khung trời xạm

đặc đen om. Người đàn ông ngẫm nghĩ : « Không lẽ lui về quê cha kinh tởm nhìn mình như một đứa con hoang ? Hay thằng Hoái đã đánh nghe một hơi hám gì nhóp nhúa ở trong ta để lợm giọng từ bỏ bạn bè ? »

Ông Hoái đằng hắng một tiếng nhỏ rồi tiếp đi âm thầm nhặt lạnh. Leo quá công chợ Cá, trụ sở xã lấp ló đứng yên sau một hàng me gục đầu rậm lá. Ông tự vệ quay lại hăm hè người đàn ông một lần cuối :

— Mi nhớ cầm họng. Tới xã mà còn hoái hoái húng húng thì đừng trách tao.

Người đàn ông vẫn chưa hiểu hết tại đâu thằng Hoái già lại cay cú với mình quá vậy. Y lết lết bụng chùng nét mặt thâm u, ngậm miệng như hến. Một người dân vệ gác ở ngã ba đường bấm ngọn đèn pile rọi sáng về phía người đàn ông. Y nhìn cháp chóa phía trước. Ông tự vệ quay quắt phọt tới lị rị vào tai người dân vệ một điều gì đó trong bóng tối. Việt Cộng ? Người đàn ông lơ đãng nhìn quanh quất khu chợ Cá nằm im lìm. Tận cuối ngã đường y thoáng nhìn mấy cánh cửa đã buông kín ở căn nhà y đã mượn chiếc đèn bảo thấp sáng vô làng.

Ông tự vệ nói đủ nghe, trống vồng :

— Tụi giao thằng lếu láo ni cho xã đó. Hừm ! Rứa mà cũng mò về cho được.

Người dân vệ chụp tay lên vai người đàn ông, đẩy y vào công xã. Ông Hoái lộn trở vô làng, quảy đục lên vùng tâm tư mốc âm trong lòng.

Ông Hoái hồi hải trở lại vọng canh. Ông ngậm ngùi nghĩ tới thằng bạn cũ. Hình ảnh hằn nằm rớt rít trong cõi lòng rầy rức tê buốt của ông. Ông vẫn không tin mình đã phản bội bạn. Sự sống cho ông, ông phải giữ trước nhất, ông nghĩ thế. Hẳn bỏ xa ông gần hai chục năm, đầu óc hẳn, nếu không lệch lạc trên một góc cạnh này ít ra cũng mờ nhòa trong tình bạn xưa kia. Y, cũng như ông, còn phải giữ lại tiếng nói mình cho gia

định mình, bạn hữu, đoàn thề... Ông Hoái không uy hiếp hẳn trong tối đen, biết đâu hẳn đã tặng lão Hoái một viên Colt. Giải giao được người đàn ông cho ủy ban xã, ông Hoái nhẹ lòng người. Ông vừa đi vừa ôn lại cảm giác kinh rợn ngày biết tin đưa bạn lên trốn khỏi làng.

Thằng Lung một dịp bất ngờ nghe kể chuyện trận đánh đồn AR. Người kể trước mắt hẳn là một đối tượng tuyên truyền thuyết phục. y đã tin theo không đắn đo tính suy. Đồn AR trên đỉnh đồi 318, gọn cả một tiểu đoàn Lê dương trú đóng. Ngọn đồi chiến lược này kiểm soát toàn bộ khu vực một quận cận sơn. Một cao điểm lý tưởng ba mặt ruộng đồng giăng rộng ngút ngàn. Kỳ công của những người thanh niên ái quốc: chiếm đồn AR. Vùng cận sơn này phải hoàn toàn được giải phóng. Phải hoàn toàn không còn chuyện hiếp dâm đàn bà con gái. Không còn sót một oan ức. Các bạn của thằng Lung đã làm gì để hoàn thành sứ mạng thiêng liêng? Chiến đấu. Chiến đấu đến thân sâu quý khốc. Lòng can đảm cháy ngút trong lửa đỏ căm hờn. Bọn Lê Dương đã bị cháy than trong ngọn lửa đó. Bốn hàng rào kẽm gai rộng trên ba trăm thước giăng chùng xuống triền đồi bao quanh đồn. Mìn bầy nhử nhúc chôn đặc phía dưới. Đêm tấn công, một mình Trần Đồng Vọng ôm bộc phá bỏ vào tận Bộ Chỉ Huy đồn AR. Trên lưng Vọng, đại liên yểm trợ bắn rát. Vọng không nao núng. Vọng thả gói bộc phá rơi trúng ổ bọn đầu sỏ ác ôn làm chết tiệt không còn một mống. Đồn AR thất thủ. Thằng Lung hôm đó mê quyết câu chuyện, nổi nà không ăn ngủ. Sáu sôi sục đồn lên óc, y là người đầu tiên trong làng hình nguyện lên núi theo đối tượng khuyến dụ. Một người thanh niên nào đó có tên Trần Đồng Vọng trở thành thần tượng trong thằng Lung, mặc dù Vọng chưa phải là một điển hình cho sự phi thường thời đó. Thằng Lung âm thầm bí mật một đêm bỏ đi. Thằng Hoái sáng hôm sau biết rõ bậ ngựa kinh hoàng. Mấy ngày trước đó, thằng Lung chẳng có lời nào tiết lộ xa gần định ý mình cho một ai kể cả cô Liên, vợ y. Thằng Hoái quay quắt tìm hỏi cô Liên, bán tin bán nghi

«Họ nói rứa đó, tui không tin. Chú đi có công chuyện, mai mốt chú về lại cho o coi.» Cô Liên không giấu hết buồn rầu. Cô nhìn ra khoảng sân xám ngoét, ôm sát thằng Cu mới sinh vào lòng ứa ngộp hai hàng nước mắt. Thằng Hoái ngó chăm vào cô Liên. «Chú đi thiệt à, rãng o khóc?» Cô Liên vẫn không nói. Cô mơ màng nhớ tới những ngày cô chưa đám cưới, những buổi thật vui thân giữa thằng Hoái và chồng cô, những bận thằng Hoái tấp tẻ vào nhà rủ chồng cô ra kênh Ruộng Bái cắm câu. Thằng Hoái ân cần hỏi han tình cảnh mẹ con cô Liên. «Cứ o tính rãng? Khôn lẽ ngồi ôm thằng Cu khóc mãi rứa à?» Cô Liên thở dài náo nuột. «Cũng chưa biết tính chi nữa. Buổi chiều mới nghe anh ấy nói lơ mơ vậy, ai ngờ tối đến có người tới dẫn đi ngay.» — Rứa chú có dặn o chi khôn? — Dặn chi mô. Anh chỉ có một câu cộc lốc gặng nuôi thằng Cu rồi có ngày anh về. Cô Liên vuốt tay lên khắp mình thằng Cu đang nằm ngủ âm áp trong vòng tay cô. Chợt cô nức lên một tiếng khóc xé ruột, mếu máo. «Ra khỏi nhà... anh ấy biết luôn tận gốc rễ chân mây nào, ai biết mô mà tìm.» Thằng Hoái nghĩ ngợi lung tung. Hắn đâm ra trách oán thằng Lung. Cưới vợ trước y, sao thằng Hoái thấy mình thương vợ thương con quá chừng, còn y lại dửng dưng bỏ vợ con đi biệt, lạnh ngắt như kim đồng. Thằng Lung cũng dị kỳ như thân thề hắn. Một người trong làng không con, đi xa trở về dẫn theo hắn làm con nuôi. Lúc đó thằng Lung mười hai tuổi. Sống loanh quanh trong làng tới ngày người cha nuôi dựng vợ cho, thằng Lung thụ hưởng căn nhà miếng vườn sáu tháng sau đó, ngày người cha nuôi hắn chết. Một phúc đức lớn mấy đời trước bỏ lại cho hắn, thằng Hoái ngạc nhiên, sao hắn không bấu lên chỗ đất đó, dùm bọc cô Liên dựng nên có đồ to lớn. Cô Liên cũng tưởng dính vào thằng Lung, đời cô sẽ mãi mãi nằm gọn trong lòng quê cha, giữa vòng lũy tre xanh mơn bọc quanh. Thằng Hoái chặt lưỡi một cái. «Nghiệt thiệt. Chú đi rồi có lộn về khôn đây nữa chơ. Rứa o thiệt chưa tính rãng cả à?» Cô Liên đâm chiều ngó miết ra hiên. «Chỉ tội thằng Cu có cha như

không». Thằng Hoái nẩy thót mình. «O nói bậy nà. Chú đã dặn đi rồi có ngày lộn về mà.» Cô Liên vừa lau nước mắt vừa khóc sụt sùi. «Tưởng anh ấy đi chơi đó, nói nghe dễ lắm.» Thằng Hoái trấn an cô Liên, cảm ai đi cũng chết hết à, chết sống có số có mạng cả. Nói cho cô Liên an lòng chứ thằng Hoái cũng không tin chỉ lời mình. Những chuyến xe chở xác người từ các bãi chiến chạy qua quốc lộ chừng như chứng minh con người chẳng có mạng số gì ráo. Thằng Hoái nghĩ tới những ngày sâu thăm mai một trong đời cô Liên, «Biết khi mô o Liên buông được một tiếng cười, thằng cu tý trên tay o bỗng thấy được mặt cha? Rồi mạ con o Liên làm chi sống đây?» Cảm cảnh cô Liên, thằng Hoái loay hoay không biết tìm cách nào giúp cô một sinh lộ an toàn. Thằng Hoái vẫn luẩn quẩn trong một mớ bòng bong rối rùi. Chợt hần hỏi cô Liên 1 câu rất vô vị. «Rứa o biết đũa mô cù hần đi khôn?» Cô Liên đã dợi lắc đầu. Chuyện riêng của chồng, cô không biết tới. Thằng Hoái không dung rơi hực xuống một vực sâu nghi hoặc thằng Lung «Hay thằng nó không còn nhận nơi đây làm làng nước cắt ruột rồi đề tâm ruộng bỏ? Nhưng làng xóm này có ai đối xử với hần bạc bẽo chi. Vợ thì được o Liên quá bề rồi. Con thì có thằng Cu. Thêm một cơ nghiệp nhà, đất, đủ cả. Được rứa mà cũng trở tâm bạc tình thì vô lý quá». Thằng Cu vẫn ngủ khì trên tay cô Liên. Cô Liên thở dài nói trống: «Chắc chuyến nì tui cũng bỏ làng đem con đi nữa.» Thằng Hoái giật mình, «O đi mô chừ? Thân gái dặm đường, o không sợ chuyện rủi ro ở đất khách quê người à? O ở đây đêm hôm còn có bà con xóm giềng giúp đỡ, đi mô thêm khổ. Cùng lắm thì o qua ở chung với con mẹ Hoái bên nhà.» Cô Liên chỉ biết thở ra chất chường. Thằng Hoái đứng dậy ra về gọi lại cô Liên vài ba câu an ủi. Những ngày sau đó, hần buồn sâu không dứt, nghĩ mãi về thằng Lung. Cô Liên thương chồng ôm con ngồi tựa cửa trông lên cánh đồng vắng những buổi chiều xầm tím thoi thoi ánh mặt trời ập xuống buồn thảm. Bất ngờ một bữa thằng Hoái nhận được giấy mời lên đình làng Bến Nhì học chính huấn. Hần sừng sốt mặt mày tái xanh, hốt hải tìm đến c

Liên. Cô Liên lại cũng chừa ra miếng giấy in hết hần. Hần ngu ngu không tìm ra mũi nhọn của nông nổi đó. Cô Liên bỗng con lên đình, vừa đi vừa khóc bù lu bù loa. Vợ thằng Hoái tiễn chồng ra tận đó, thấy cô Liên mẹ góa con côi, an ủi cô hết lời. Những ngày ở đình năm đất, ăn cơm với muối đậu phụng, việc gì cô Liên cũng nhờ vợ thằng Hoái lo giúp. Hai tháng sau trở về mẹ con cô Liên ốm o xao vàng. Cô Liên lại nghe phong phanh đâu đó còn học thêm đợt hai, đợt ba... Cô sợ quá, rí tai bán đứt căn nhà miếng vườn cho một người trong làng, trốn lên phố. Đi một lần, cô Liên biết tấm hơi luôn tới nay không ai hiểu mẹ con cô còn sống hay chết. Phần thằng Hoái, học xong đợt một, hóa ra người lương thiện. Thằng Hoái được mời đi đình chỉ vì đã từng thân thiết với thằng Lung tập kết, thế thôi. Vợ chồng cô Liên từ đó kể như hoàn toàn đứt tình làng nước, nhưng thỉnh thoảng nhớ tới, thằng Hoái vẫn bồi ngùi kể lại từng kỷ niệm cũ cho vợ nghe. Gần hai mươi năm không đếm hết những lần xáo động quay qua, thằng Hoái vẫn hàm hức sống yên lành bên vợ con. Nay thằng Hoái tóc đã muối tiêu lấm chấm. Lũ trẻ hậu sinh lớn lên lần lượt lính tráng, bỏ lại ngôi làng già cỗi yếu mòm những ông Hoái già nhom nhem, những cậu thiếu nhi lóc nhóc làm tự vệ canh gác xóm đồng. Những đêm ông Hoái cùng mấy người bạn già ra ngồi trong chòi canh coi những trái sáng đứng lừng ở góc núi, canh chừng giấc ngủ dân làng đang thiếp ngủ sâu trong lũy tre, ông ngao ngán nghĩ đến những cuộc chia ly thật não lòng, đứt ruột. Ngôi làng ông Hoái ngồi gác đêm đêm vẫn yên tĩnh, nhờ đó sau mỗi phiên gác hoặc đứt một cuộc tuần canh, ông Hoái lại lù lù về nhà đánh tiếp giấc ngủ.

Khi từ xã về thâu vọng canh, ông Hoái vẫn còn một điều gì hoang mang nghĩ hoặc. Ông đánh thức náo động mấy người bạn già đang ngủ vùi trong chòi. Họ chưa kịp dụi mắt, ông Hoái đã kể miệng vào tai từng người lí nhí cái tin dị kỳ về thằng Lung. Mấy người bạn già ông Hoái vụt sáng mắt lên, nhưng vẫn không chịu tin.

— Ôn thiệt hay lão ?

— Thì tự tay tui đẩy hần lên xã mà, ông Hoái cả quyết.

— Lâu quá rồi ông còn nhận ra hần à ?

— Thiệt là ác ôn. Hần xách đèn bão đi lơ ngơ ngang vọng canh gặp phiên tui, tui cứ tưởng là một cha mô ở làng đi quanh quần đây thôi, không đề ý cho đi lôn. Đến lúc xuống xóm về nhà, vừa quẹo qua bụi hóp tui nghe hần gọi Liên Liên âm lên cả. Tui lên tiếng hần quay mặt lại. Thấy hần, tui sợ muốn đứng tim luôn. Trời ơi, cứ tưởng là oan hồn uổng tử không bằng, tui dong súng định bắn. Hần nằm sấp xuống đất lạy lạy quá trời. Tui vẫn chưa tin, bắt hần dơ tay đứng dậy nháy xôm. Thấy hai bàn chân hần đạp đất kêu lụi lụi, tui mới dám chắc hần không phải là ma quỷ hiện hồn về kêu o Liên.

— Rồi rằng ôn lại lôi hần lên xã ?

— Tui nói ra mấy ôn nghe, mạ con o Liên bỏ làng biệt tích mô rồi đã quá lâu, hần lại mò về giữa đêm khuya khoắc réo gọi lêu láo như rứa, mấy ôn tin khôn ? Chi thì chi mình cũng giữ cho mình khỏi chết đã chớ. Tui động đầu hần trên xã có chi mai sớm rồi hay.

— Rứa hần biết ôn khôn ?

— Trời ơi, đi giữa đường mình cứ sợ bất thình lình hần trở tay hạ độc mình, tui cố làm mặt lạ cứng rắn với hần mỗi bận hần bắt chuyện. Hần còn nhớ cả tên tục tui kêu luôn ngay giữa đường. Hần rồi đó, mai mấy ôn cứ lên xã dò thì biết.

Mấy người bạn ông Hoái nghe xong đâm buồn lây lất. Ông Hoái lơ mơ ôn lại chuyện hai mươi năm nước chảy qua cầu. Đời ông bình lặng như con xóm hiền tuổi thơ êm êm nằm nghỉ dưới bóng im ngợp gió không nghe đâu bề lặt sắp dòng đời. Thăng Lung, bằng khoảng thời gian đó, lặn lóc trong gió sương. Đời hần gian khổ đã nhiều, những chán chê sâu túi chông đầy hai vai nặng trĩu, những bước đi đập nát cỏ xanh, quật sâu cát bỏng. Ông Hoái thấp thòm trông chờ người bạn

cũ một giờ ngồi đối ầm dưới mái quán đầu làng kề nhau nghe trăm năm ngàn tâm sự đầy vơi. «Dầu cho có răng đi nữa, thằng Lung vẫn còn sống đề dẫn xác về đây. Nhưng tội nghiệp hân, o Liên, thằng Cu thì đã trốn mồ biệt mù cà cườn.»

Ông Hoái kê lưng lên bức chòi nằm thao thức. Mù sáng, thấy một vùng mây đỏ đỏ sừng húp ở hướng biển đông, ông lồm cồm ngồi dậy, hối hả lên xã. Tới đó, Ông Hoái gặp ngay một người làng tung tin ông Lung mãn hạn tù trở về. Đến quê, ngang chợ Cá trời tối đen, ông Lung vẫn nón nà vào làng tìm vợ con. Nửa chừng gặp ông Hoái. Bảy giờ biết ra ông Hoái mới bật ngựa. Hình ảnh o Liên thằng Cu nổi cao trong trí ông trong lúc khuôn mặt thằng Lung và những ý nghĩ về hân trong đêm rồi trộn lẫn vui buồn rối rắm. Giữa lúc đó ông Lung trong trạ sở xã cũng đang hướng về mấy hình bóng kỷ niệm thân yêu...

Một Trần Đồng Vọng chồn chân mỏi gối quay về, ứa nước mắt. Thôi, còn gì nữa đâu...

PHAN TÂN UÂN

ĐỒ NGHÊ

thơ

TÂM SỰ LẠC LONG QUÂN

Khi ta đưa các con 50 người xuống biển
và vợ ta đưa 50 đứa lên rừng
lòng ta đã rất đôi bán khoăn
có một điều gì khiến ta linh cảm trước
nhưng vì yêu vì thương các con
vì muốn non sông mình thêm gấm vóc
và cũng vì mẹ các con đoan chắc
các con sẽ không bao giờ quên
đã cùng sinh ra trong một bọc
một trăm trứng
một trăm con
các con sẽ không bao giờ quên...

Nhưng bây giờ mọi sự đã xảy ra

các con đều đã rõ
những vết ô nhục trong lịch sử chúng ta
các con đều đã rõ
nên ta vẫn đau lòng tự hỏi
muôn lỗi lầm này có phải vì ta
khi ta đưa các con 50 người xuống biển
và vợ ta đưa 50 đứa lên rừng ?

Càng ăn năn ta càng thương các con nhiều nữa
nên vẫn hằng mong
nếu các con còn nhớ
đã cùng sinh ra trong một bọc
thì hãy nghe ta
đốt hết sách vở, xé hết cờ xí đi
rồi đứng ôm nhau mà khóc
nước mắt sẽ tưới lại cỏ cây
nước mắt sẽ làm phì nhiêu mảnh đất
thì hãy nghe ta
hỡi các con gái con trai của ta
trót mê cuồng trong dục vọng đảo điên
trót bán tâm hồn buôn thề xác
hãy tha thứ cho nhau, tha thứ hết
rồi nắm tay cùng gầy dựng lại quê hương
vì lỗi lầm này nào phải bởi các con

Khi ta đưa các con 50 người xuống biển
và vợ ta đưa 50 đứa lên rừng.

ĐỒ NGHE

Ý THỨC 4

LÊ HỮU

tác phẩm gửi tới người đọc

Điều đầu tiên, đó là công việc của một định nghĩa : Thế nào là một tác phẩm ?— Tác phẩm như thế nào mới gọi là gửi tới người đọc ? Và người đọc đó là ai, ở đâu, nơi nào ? Tại sao lại phải gọi tác phẩm gửi tới người đọc ?

Đó là những vấn đề qui tụ quanh người sáng tác và giới thưởng ngoạn. Nhưng, để tránh một sự định nghĩa đơn thuần, tôi cũng xin minh định lại vị trí của tác phẩm dành cho giới thưởng ngoạn gọi là người đọc : đó là những tác phẩm bằng văn xuôi, thơ kịch... nói rộng ra, những tác phẩm mượn chữ nghĩa để diễn đạt.

Như vậy, việc định nghĩa thế nào là một tác phẩm theo tinh thần đề bài thu hẹp, chính là công trình tư tưởng của tác giả (đã mượn chữ nghĩa để ghi chép và chế biến).

Tác phẩm bao gồm đủ thể tài và khuynh hướng, tùy theo tinh thần sáng tạo của người hình thành. Mỗi tác phẩm có một dáng vẻ riêng, và một lối diễn đạt riêng. Nhưng, tóm lại, tất cả mọi tác phẩm đều nhằm tìm đến người đọc, trong nhu cầu, đòi ở người đọc một sự cảm thông, đồng thời, cũng có thể là một sự cộng tác với những tư tưởng mà tác giả bày

tỏ. Điều đó, cho ta hiểu tác phẩm nào cũng muốn tìm đến người đọc.

Nhưng tại sao, tôi lại phải viết : « tác phẩm gọi tới người đọc ». Tác phẩm đó là gì vậy ?

Đề trả lời cho một câu hỏi đã đặt ra, chúng ta cần phải xác định lại vị trí của người đọc. Người đọc bao gồm mọi thành phần trong xã hội, trai gái già trẻ vân vân... Nhưng nhất định phải có học, biết chữ ! Người đọc có thể là anh, tôi, là anh Ba, anh Tư, là cô Sáu Thêm, cậu Hai Tú Dũng, ông Ngoại, thím Hiền vân vân... Người đọc ở trong giới lao động, trong đám tiểu thương, trong bạn học trò, trong đoàn binh lính, trong khu cấm địa, trong những xóm tanh hôi, trong những vùng quê heo lánh, trong bọn phản động, trong những lầu cao cửa kín... Họ là những thành phần phức tạp. Nhưng người viết không thể cấm một ai tìm đến với tác phẩm. Có nghĩa là không thể cấm họ làm người đọc được.

Người đọc, nhìn tổng quát như thế, trở nên đông đảo Ta có thể đơn giản phân chia một số thành phần người đọc như sau :

1. — NGƯỜI ĐỌC ĐỂ GIẢI TRÍ, MUA VUI:

Ngày xưa, Nguyễn Du đã phải nhìn nhận Kiều trong tình thân giải trí đọc giả : « Mua vui cũng được một vài trống canh ». Mọi tác phẩm, ngày xưa, ban đầu, người viết chỉ nhắm vào một mục đích : để giải trí. Điều này ta không ngạc nhiên khi nhìn thấy một bà già mù chữ nào đó lại ngâm nga những lúc nhàn rỗi, một cách rành rẽ, từng tiết đoạn trong Kiều, Lục Vân Tiên, Phạm Công Cúc Hoa. Quan niệm tác phẩm nhằm giải trí, mua vui vốn đã sẵn, và không thể nào gạt bỏ hay chối từ trong đầu óc người đọc được.

Điều dễ hiểu ta vẫn nghe người đọc này hỏi người đọc kia những tình tiết, nhân vật của câu chuyện trong các báo, hay những trang sách mà họ đang đọc dở. Sao mày thằng Thiếu Nam sống hay chết ? Bà Nhu Hậu về chưa ? Những nhân vật bỗng nhiên biến có thực, như đang ở một nơi nào đó, và mọi

1
người đang theo dõi. Có kẻ thương vay. Tội nhi ! Bà ta bị ám sát tội thật ! Những câu nói trên đầu môi của người đọc, như góp phần vào tình tiết câu chuyện, phê phán câu chuyện, làm cho câu chuyện trở nên ly kỳ hấp dẫn. Nhưng rốt cuộc đầu lại vào đó, người đọc vứt sách, báo xuống, đi uống ngụm nước trà, quên ngay lập tức và tiếp tục đến sách báo khác. Cái nhu cầu đọc trở nên cần thiết, cần thiết để lấp những khoảng trống của đời người...

Loại tác phẩm dành cho người đọc này, về lượng, rất phong phú, từ các nhật báo, các truyện feuilleton,, cho đến các tiểu thuyết xuất bản ồ ạt trên thị trường với những nhan đề ồn ào, hấp dẫn, đánh trúng thị hiếu của người đọc.

2.— NGƯỜI ĐỌC TÌM HIỂU, PHÊ BÌNH

Người đọc thuộc giới này, đứng trên căn bản, mỗi người đều có một khuynh hướng rõ rệt. Tác phẩm sẽ đến với họ dưới khuynh hướng do. Trong những quan niệm phê bình văn học thế giới, những khuynh hướng phê bình dường như đã rõ rệt từ một lối phê bình cũ nhất, từ lối phê bình theo phái ấn tượng chu quan, tâm lý, giáo khoa cho đến những lối phê bình cơ cấu của Goldmann, hoặc một vài lối phê bình duy vật bên kia bức tường sắt. Người đọc sẽ nhìn tác phẩm dưới con mắt của một y sĩ nhìn bệnh nhân, khách quan tìm hiểu theo một phương sách để chẩn bệnh.

Tác phẩm sẽ được đặt lên bàn mổ, sẽ được phân tích ý, lời, kiểu tâm mỹ... và có thể, tác phẩm sẽ được truy nguyên tận gốc, với hoàn cảnh nào mới được sinh ra trong biến trạng nào của người cư mang.

Như vậy, người đọc trong giới tìm hiểu, phê bình không có thể đông đảo, chỉ số ít, có một trình độ trí thức nghiêm túc và quang ba, và ngược lại, tác phẩm cũng được lựa chọn ở một giá trị nào đó.

Người đọc cũng có thể làm quan tòa để xét xử tác phẩm,

và các nhân vật, có thể bị lôi ra vành móng ngựa. Nhìn vào tác phẩm như một bị can chung cuộc, người đọc có thể phơi bày, nhận diện ra được một cách khách quan những giá trị của tác phẩm.

3.— NGƯỜI ĐỌC ĐỀ TÌM MỘT TIẾNG NÓI MỘT CẢM THÔNG

Trong Situation 1, Sartre đại ý nói tác phẩm giống như một cái gương, mà, đọc tức là nhẩy vào trong tấm gương. Phải đột nhiên thấy mình ở trong cái gương đó, gồm những người, những vật quen thuộc. Người đọc ở đó, múa may, quay cuồng với mọi trạng huống của cái không khí, khoảng đời của những người, những vật đang ở trong cái gương. Đọc tức là nhìn nhận sự hòa hợp trọn vẹn của mình vào nhân vật. Nhân vật nói những điều mà *hắn* đang muốn nói, như một ẩn ức khó tỏ bày.

Người đọc tìm đến tác phẩm như một sự cầu viện, những ý tứ ; lời lẽ, tình tự đại diện thay cho người đọc Nhân vật vung tay, phẫn nộ, chửi bới, than thở như người đọc đang vung tay, phẫn nộ, chửi bới, than thở... Người đọc bỗng nhiên thấy mình như được sự cảm thông trọn vẹn.

Vậy đọc, tức là sống qua một lần cái đời sống mình mong ước, dự trù trong phạm vi của đời người, trong những điều mà *hắn* chưa thể hiện bằng cách thế của con người. Tác phẩm là hoàn cảnh tốt, là đời sống tốt, đề *hắn* đến, nhập cuộc...

Nhận diện người đọc tìm đến tác phẩm không ngoài mục đích tìm người đọc mà *minh* nhằm hướng đến. Dĩ nhiên, nhu cầu của tác phẩm là nhằm hướng đến mọi người đọc, và một tác phẩm đạt được sự toàn bích, nếu tác phẩm đó có được mọi thành phần người đọc (?)

Nhưng có một điều dễ hiểu, có những tác phẩm không gởi tới người đọc cái gì hết. Nó chỉ là một câu chuyện một khám phá, một phiếu lưu, một cuộc tình... Nó nhằm góp mặt để giúp

người đọc bước qua một khoảng sống nào đó. Đó là những tác phẩm thuần túy, càng khúc chiết, càng gây cần, càng được nhiều sự tò mò, thích thú của người đọc. Nhưng, cũng có những tác phẩm muốn gửi tới người đọc rất nhiều điều. Đó là những tác phẩm bây giờ, tác phẩm gửi tới người đọc, những tình tự, những thái độ, những tư tưởng nhằm vào một vận động nào đó, hay một cách, thế nào đó... Nói như vậy, không phải tôi đặt một tiêu chuẩn sáng tạo nào đó, nhằm một mục đích đơn thuần nào đó. Tôi từ chối mọi khuynh hướng độc chiều, hay có tính cách thủ đoạn... Tác phẩm văn chương khước từ quan niệm như vậy, vì sẽ dễ bị thuì chốt, nhàm chán, nghèo nàn và buồn tẻ.

Nhưng, xét cho cùng, cũng không ai từ chối tác phẩm văn chương phải được thoát thai từ thực tại. Tất cả lý thuyết về tác phẩm văn chương — kể từ Balzac, Zola, Flaubert, Proust cho đến R. Grillet đều có ý muốn hiện thực (*une volonté de réalisme*). Song, không phải hiện thực là sao chép y đời sống. Nó khác ở sự khám phá ở sự đối trá một sự thật hơn cả đời sống. Đó chính là điểm quan trọng của thứ hiện thực. Trong công cụ hiện thực đã vén lộ ra được vai trò, ý hướng của tác phẩm. *Tác phẩm phải là một tác động lực đời sống*. Điều này chẳng ai chối cãi, vì con người vốn sống trong đời, nhào nặn trong đời, thì tất nhiên, con người sẽ biểu lộ sức sống của mình theo một cách thế nào đó để có thể tham dự vào những biến cải lịch sử. Con người sinh động, và tác phẩm làm phong phú cho cái sinh động đó bằng đủ mọi chiều hướng, kể cả sự bóc trần mọi đối trá.

Vậy, tác phẩm gửi tới người đọc không chỉ đơn thuần cầu cạnh ở người đọc một thông cảm, một hòa hợp, một tương quan nào mà thôi. Tuy người đọc tìm đến tác phẩm là gián tiếp khích lệ người viết sáng tác, nhưng như thế chưa đủ. Tác phẩm còn phải dành sự sáng tạo cho người đọc, tước quyền cho người đọc về mọi ảnh hưởng hay mọi dự phóng.

Nhận định như thế, nghi vấn lại đến một nữa, người viết

sáng tạo như thế nào để gửi tới người đọc, và người đọc đó là ai ?

Quan niệm tác phẩm như một tác động lực đời sống tức là ta đã nhìn thấy môi trường sinh hoạt của tác phẩm, và người đọc mà tác phẩm nhằm gửi tới.

Người viết nào cũng thường hay thắc mắc viết cái gì, viết cho ai ? Điều trả lời gọn ghẽ nhất là viết cái gì mà ta thấy không xót xa là được, và viết cho đám quần chúng đông đảo bất hạnh nhất... Viết cho họ không phải là gửi tới họ một món quà, một đồ chơi, một trang sức ; viết cho họ tức là nói giúp họ, nói thay họ những điều ám ức, những trạng huống thống khổ, những gọng kềm đao to búa lớn, những mơ tưởng về một tương lai, những gì tầm thường nhất mà họ đang đối đầu mỗi ngày như là một rầy chết ngọt ngào, và bóc trần cho họ mọi sự gian manh, đối trá đang chụp dè suốt đời sống.

Nhìn vào đám quần chúng đông đảo, đa số âm thầm dốt nát một đời thua lỗ thì làm sao họ là những người đọc được ? Làm sao lời cõ họ ra, nói cho họ hiểu, tôi gửi tới anh tới chị một tư tưởng đối kháng nào, hay 1 cách thế chống đối nào ? Vậy, chính họ là con bung xung, là cái cớ là hoàn cảnh đang quay cuồng. bần tâm người viết hằng ngày, bởi, người viết, người đọc, đám quần chúng nếu nói hẹp lại, mỗi ngày, đang cùng sống trong trạng huống đó. Cái cảm nghĩ, đau đớn của người viết, cũng là cái cảm nghĩ đau đớn của người đọc và đám quần chúng.

Người đọc ở trong đám quần chúng, người có một chức năng trí tuệ, có thể là cái đuốc soi sáng đề đại diện cho người viết, tác động xuống đám quần chúng những điều mà người viết nhằm gửi tới.

Người đọc là con đường giao liên giữa những cách rời của trí năng, chuyển hóa cái trình độ của người viết giản lược vào những tập trung cần thiết, thuần thật và phổ cập vào đám quần chúng, khơi nguồn, và thức tỉnh họ. Người đọc không

chỉ nhảy xổ vào cái gương là tác phẩm để sống trọn cái không khí tác phẩm đó mà thôi, mà còn phải mang cái tinh thần, cái chức năng và tư cách của nhân vật, của tác giả.

Trong cái hoàn cảnh của đất nước này, vai trò của nhà văn không chỉ làm một công việc của tài tử, đạt sở thích, cay sởi tâm linh, hoa mỹ ngôn từ để đạt tới nghệ thuật vút cao và không tưởng; mà phải mang nặng nhiệm vụ nhằm xây dựng xứ sở; thì người đọc cũng không chỉ là kẻ trà dư tửu hậu, đàm đạo vòng bàn, mà phải tự nhận chuyên chở vào mình những điều mà tác phẩm gửi tới thông đạt xuống đám đông bất hạnh ngu dốt đa số của đất nước này. Người đọc không trực tiếp làm công vụ đó, *nhưng qua những sinh hoạt ảnh hưởng*, đó là điều gián tiếp nhằm gửi tới đám đông.

Như thế, trong tình trạng khó khăn của xứ sở, người viết khỏi ngại phải đặt câu hỏi: viết như thế nào mới gửi tới đa số quần chúng được! Phải nhìn rõ, nhìn cặn kẽ, những khó khăn của Việt Nam, để nhận ra con đường nghệ thuật mà người viết phải cân nhắc nhắm đến. Đặt vấn đề nghệ thuật trong tình trạng Việt Nam, tức nhiên phải đặt vấn đề ở một bình diện khác, một chủ đích khác, nếu người viết không muốn mình là kẻ vong thân.

Người viết, trong giai đoạn khàn bách của đất nước hãy dẹp vào xó tư tất cả mọi vấn đề nghệ thuật rùm beng, vô bờ, thiếu thực tế, xa vọng, không tưởng, hãy mở rộng đôi cánh tay tài hoa, hãy mở to mắt đôi mắt cửa trời, hãy cho buồng ngực thoi thóp từng nhịp thở theo một nạn nhân máu đổ vì súng đạn, hãy bước chân vào căn nhà tàn khốc lụn nát trên các đường phố, hãy nhìn đứa trẻ há hốc trên vú mẹ bầm tím, hãy bươi móc lấy chút gạo vung vãi theo gạch gói, hãy nhìn thấy đâu đó đôi mắt của kẻ thù, đôi mắt thật to, khinh ngạo, cóc cần, bất chấp đang rình mò trong mỗi khoảng khắc.

Người viết, đã đến lúc, không đứng ca hát cồ vũ, đệm cho những màn trên sân khấu, mà phải nhảy lên đó hãy nhận

ra vị trí của mình trong vị trí chung, cùng số phận và cùng cảnh ngộ. Người viết phải hiểu mình đóng vai trò gì, vì sao nước mắt lưng tròng, mà dạ buồn tủi không phai !

Tác phẩm của anh ở đâu ? Tác phẩm của anh có thể hiện điều trung thực : điều anh muốn tỏ ? Hay tác phẩm của anh chính là nỗi thống khổ trong giòng nước mắt đó ?

LÊ HỮU

san bằng bất công xã hội
cứu vớt con người ra khỏi tội lỗi
giúp tù nhân làm lại cuộc đời
thể hiện một tình người rộng lớn

nên tìm đọc

HÃY CỨU LẦY TÙ NHÂN

Trần quang Huê dịch, Đuốc thiêng xuất bản

CHU SƠN

thơ

LÊN HẢI VÂN SƠN

Xe men theo dốc lên cao
trước sau khói phủ tường vào non trên
hỏi em rủ hết ưu phiền
Hỏi anh quên hết những niềm cát bay
Từ đây trái đất ngừng quay
phiên hai đã ở trong tay ta rồi

TỪ HẢI VÂN SƠN ĐI XUỐNG

ngờ rằng quê quán là đây
dè đâu xe điện liền dây kéo còi
thiên thai đã mất đây rồi

rừng rưng xóm lá lương' đổi khói xe
trông ra mặt nước đỏ khe
trường sơn máu đỏ biển ghe tầu tầu
xe men triển dọc thẳng lâu
xuồng miền sỏi đá thầy đầu lóc lẩn
em dù che mắt bằng khăn
ngày kia anh chết xác quần trên đồi
đêm nghe tiếng cú tuyệt vời
nhìn anh đã bước lên trời hư vô

CHIỀU KHOẢ THÂN

em nằm vắt vồng trong mơ
suối như ánh mắt lững lờ khỏi bay
tóc xanh ôm chiếc vai gầy
lưng thon cành huệ vú xây trên đồi
nguồn nước ản chảy không thôi
ngàn năm từng biệt sáng ngời trăng sao
chiều hôm đuổi nắng lên cao
bâng khuâng em ngắm bóng vào u minh

ÂM VỌNG

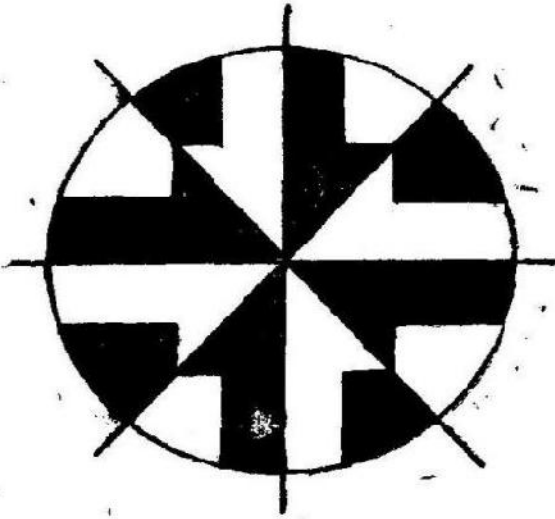
mây năm lưu lạc chồn này
dưới giòng nước chảy mây bay qua cầu
đêm đêm nằm nhớ Không khâu

bưng con mắt dậy mù dần cát bay
giấc nam kha vẫn còn đây
tuổi đời đã bén nửa giây oan tình
chùa xa nghe vọng tiếng kinh
ô hay khúc hát thanh bình đây chẳng

CHU SƠN

MỘT CHỖ CHUNG

HÌNH ẢNH RỜI



LÊ VĂN NGÂN ●
THUY VĂN ● CHÂU
PHAN ● TRẦN ĐÌNH
THÁI ● LỮ KIỀU
● HỒ THỦY GIỮ

BỨC TƯỜNG CŨ

Sau nhiều ngày sống lầm lũi và quên bẵng, tôi trở về thành thị cũ. Vẫn chừng ấy, bao quanh về thăm lặng, cây vẫn vi vu điệu nghìn trùng, sông vẫn chảy dưới cầu lịch sử. Vẫn chừng ấy, vẫn người thợ vá giầy ngồi bên bức tường cũ, từ bóng chiều đổ qua sáng mai, người thợ cứ khâu đi khâu lại những vết rạn rỗ. Mà trong đời sống chúng ta, biết bao nhiêu vết rạn rỗ chưa thể khâu lại. Ngoài ra, biết bao nhiêu man trá, bao nhiêu khoa ngôn, bao nhiêu giả tưởng, những bóc lột, áp bức không cần phải khâu lại, nhưng phải đập phăng đi. Nhưng cá nhân tôi đây thì bé nhỏ, tập thể thân hữu lại sống xa nhau, kẻ kiếm tìm phương xa, kẻ làm lính, nên không thể nào ngồi chung đề nói chuyện.

Nói chuyện gì, có phải trên bức tường của thành thị cũ ấy đã vẽ lên bao nhiêu thứ chuyện, những thứ chuyện nhằm che lấp sự thật của một dân tộc đang muốn hòa bình, đang muốn tự do. Tôi muốn xé hết tất cả những tấm bích chương, những giòng biều ngữ. Tôi muốn dán lên khắp bức tường những tấm bích chương mới, những giòng biều ngữ mới, những gì không nhằm đánh lạc hướng ý nghĩ và mong mỏi của tôi, của những người tôi biết.

Tôi còn muốn làm một tên thợ sơn chân thật nữa, sẽ sơn lại những màu hồng ngụy trá của những tên thợ sơn không chân thật. Tôi muốn sơn năm mộ trong công viên bằng màu buồn bã, sơn xác chết bằng màu uất ức, sơn cái chân què bằng màu chán nản, sơn vành khăn tang bằng màu trắng buốt, sơn tự do bằng màu xám, sơn lý tưởng bằng màu đen.

LÊ VĂN NGÂN.

GIỌT RƯỢU THÁNG MƯỜI

Những ngày cuối tháng mười, trời đặc mây và mưa dầm buồn bã. Nước ngập đường, ngập sông, trời nhà người chết : lại một mùa nước lớn ở quê xa. Tin bão lụt nổi nao trong lòng. Chúng tôi ngồi trong quán nhìn mông lung ra vùng biển âm u nhấp nhô ánh đèn mấy chiếc tàu thủy mờ hồ trong nhịp sóng bập bùng giận dữ. Người bạn trầm ngâm nhìn ly rượu. Gió phành phạch liếp vải che phía sau lưng. Quán khuya trống trơn. Đứa bé nằm ngủ trên ghế. Cô gái ở quầy lặng lẽ bước vào sau cánh cửa. Gió thoảng cơn lạnh buốt từng hồi. Mỗi chúng tôi là một hòn đảo nhỏ bênh bồng trên mặt đại dương sâu kín đang qua mùa lốc bão ngoài kia.

Người hạn chột xa hút trong tầm mắt. Có lẽ chàng đang mơ về vùng quê ven bờ cát trắng xa xôi giờ này lênh đênh trên triều nước lụt. Người ta thường không thể sống ngoài những tưởng tượng dù chỉ là văn vơ. Kẻ khác nuôi đời mình bằng một số ám ảnh vô tình càng ngày càng chồng chất. Một lúc nào đó bỗng tỉnh thức và cố gắng đào thoát một cách vô vọng. Tôi buông mình bơi về tháng mười năm trước cùng H ngồi trong quán vắng trên bãi biển nọ một đêm kia đợi chờ từng đợt sóng vỗ lan dưới chân. Những bờ đá lở mòn. Thời tiết đời mùa bỗng dưng lòng bồi hồi kỷ niệm xô đẩy nhau rồi mất hút. Những đuôi bắt rêu gọi từ đâu vang vọng mơ hồ trong trí nhớ buồn thảm trống trơ. Thời gian ở phía sau chỉ còn mỗi mắt trông tìm chẳng bắt gặp nguyên vẹn và trước tầm tay là cửa ngục tù đầy u ám là kẻ thù hàng ngày bắt ta đối diện mỗi người một cách cô đơn. Trong cuộc hành trình của ý thức thăm dò vô hạn, mỗi phút mỗi giây là một kinh nghiệm về nỗi chết gần gũi rõ rệt. Rồi tất cả sẽ im lìm sau làn mi khép, tất cả lo toan đều dừng lại, mọi tưởng tượng đều rẽ cánh. Mỗi người phải dọn cho mình một cõi an nghỉ bên kia đời, phải tự chọn sự cô độc cần thiết. Mỗi ràng buộc đời sống là một hệ lụy tinh thần. Hạnh phúc không ngoài nỗi lênh bênh của ý thức trợ trụ, côi bỏ những ám ảnh, ruồng rẫy mọi tình cảm. Phải chăng đó cũng là một giấc mơ giữa bốn bức tường không lối thoát đang bủa vây tứ phía, như chúng ta bị cuốn hút trong bốn mùa luân chuyển. Thật tình chúng ta chưa được sống tự do với nỗi cô đơn mơ ước của mỗi người.

Những hạt mưa đổ dồn trên nền sân vắng. Giọt rượu cuối cùng chưa đủ nồng cò hơng. Có một khoảng trụi quanh vuốt ve da mặt, một nỗi buồn bã vô duyên sót lại trên môi và hai bóng chúng tôi đứng lên nhìn nhau im lặng bước đi trong gió bão tháng mười...

THỤY VĂN

Ý THỨC 4

65

MẸ GIÀ CUỐC ĐẤT

4 giờ sáng chợt thức giấc, đề rồi không ngủ tiếp được, đưa tay mở máy hát, một cách tình cờ, được nghe bản bà mẹ gio linh.



Bà mẹ gio linh, hay mẹ già cuốc đất trồng khoai? Cách đây 20 năm, người ta gọi nhiều nhất bản nhạc đó là «mẹ già cuốc đất trồng khoai». *Mẹ già cuốc đất trồng khoai* được hát lên từ mỗi một thiếu nữ, một mẹ già, một nông dân, hay từ các em thiếu nhi....

Mẹ già cuốc đất trồng khoai có thể là bắt đầu của một bài hát, có thể thay tên của bài hát đề nhắc nhở, đề yêu cầu. Hãy hát *Mẹ già...*



Bản nhạc đó được vang lên lúc 4 giờ sáng. Như làm lại tâm hồn người nghe. Những cảm xúc, những nghĩ ngợi không còn bị ám ảnh bởi lừa bịp, bởi sự huyền hoặc, phù phép nào cả. Những danh từ với định nghĩa xác thực của nó. Tự do là tự do. Dân chủ là dân chủ. Nhà ái quốc là nhà ái quốc. Không còn hoài nghi, lo ngại vì tự do giả, dân chủ bịp, hay nhà ái quốc tư manh, còn đồ gì cả. Thật khoẻ.



Cám ơn 4 giờ sáng. Cám ơn *mẹ già cuốc đất...*



Danh từ và các nhân vật.

Nhân vật biến ảo danh từ. Danh từ làm phù phép cho

nhân vật. Ta chỉ cần ghi nhận thực tế, định nghĩa danh từ, rồi đem so sánh cái định nghĩa đó với phần thực tế liên hệ tới danh từ có đúng hay không, thì nhận ra ngay chân dung nhân vật. Nhân vật là ai? Chân dung chỉ vẽ khuôn mặt đen và khuôn mặt đỏ. Chỉ có trung và minh, chỉ có phản trắc và chân thật. Chỉ có ái quốc và phản quốc. Chỉ có bảo vệ tổ quốc và bán nước.

Thời thực dân cũng có những kẻ la lối rằng mình yêu nước. Bọn hắn không thiếu những danh từ để bàn bạc: tự do, dân chủ, quốc gia, giải phóng, cách mạng xã hội... Nhưng chúng nó chỉ họp bàn quanh quẩn với mấy khuôn mặt không bao giờ bước chân xuống nông thôn, không bao giờ nhìn xuống quần chúng. Nói chuyện yêu nước tại các nhà hàng lớn ở thành phố, có rượu champagne, có martell... yêu nước kiểu đó, để rồi cũng có ảo tưởng là mình đang trở thành nhà lãnh đạo của ba mươi hai triệu dân VN.

Ngày nay cũng vậy. Trong bất cứ quốc gia nào, khi còn loại danh từ, loại nhân vật như thế, thì không thể nào đạt được một nền dân chủ, thật sự, hay một cuộc cách mạng đích thực nào cả!

Mẹ già cuốc đất trồng khoai... Gia đình của mẹ là nông dân, dĩ nhiên. Nhưng mẹ già biết nuôi con để đánh giấc đêm ngày. Mẹ già ý thức và yêu nước lắm. (Nhưng tại sao có chữ nhưng trước câu mẹ già biết nuôi con trên đây? Nhưng là vì thời cuộc đã chứng tỏ có những kẻ, với quyền hành, đã độc quyền yêu nước. «Nước» như tài sản của bố mẹ để lại, hẳn

có thể bán, có thể cho mượn, treo bảng «For rent» lúc nào cũng được, muốn làm gì thì làm! Nước, đối với hắn, không phải của nông dân, của thôn quê của lao động, của mẹ già cuốc đất trồng khoai.

Làm sao để nghĩ tới quê hương đang mịt mù chinh chiến này, làm sao tin tưởng ở những nhân vật, với tâm trạng được như tâm trạng lúc 4 giờ sáng, nghe mẹ già cuốc đất trồng khoai...

CHÂU PHAN

MỘT RAY RÚT

Lâu lắm chưa có cơ hội ngồi yên ổn để ngắm một tà áo gấm nhân lát phát bay. Hồi ở Vũng Tàu mỗi buổi chiều Chúa Nhật ra bãi TRƯỚC, bãi SAU để tìm một người quên cho những bức dọc, cho những bản cùng trâu ngựa, rất mong gặp được những dịu dàng, thùy mị khả ái của người thiếu nữ Á đông. Nhưng ở đó chỉ thấy từng khối thịt người lồ lộ tro trên, chỉ thêm nhức óc.

Về Qui nhơn được 10 tháng nay — 10 tháng lông lốc trong cơn thịnh nộ của hận thù thối nát, ganh tị. Sống đầy ải trên ngọn đồi Đất Đỏ. Ăn cơm dưới hầm. Ngủ dưới hầm. Tất cả đều ở dưới hầm. Ngoài trời mưa hay nắng, ngoài trời gió hay khô không cần biết.

Người ta đã giam lỏng tôi dưới hầm. Người ta đã cấm tôi sống cảnh sống bình thường của con người. *NHƯNG NGƯỜI TA KHÔNG THỂ CẤM ĐƯỢC TÔI MỘT GIẤC MƠ.*

Tôi mơ một giấc mơ gặp được một thiếu nữ còn cái phong

sắc của người đàn bà Việt nam, đề tôi thấy được đất nước tôi, đề tôi yêu quý được bản sắc dân tộc tôi, đề tôi tha thiết hơn khi bước chân dẫm lên trên sỏi cát.

Chiều nay như con chim sò lông muốn nhìn trời cao, tôi bỏ cả một buổi chiều ra ngồi ở công viên bờ biển trước trường nữ Trung Học Qui nhơn. Tôi nhìn thật kỹ. Tôi nhìn thật nhiều. Những mini-jupe, những áo dài diêm dúa, những ống chân trắng mượt, những ống chân đầy sẹo, những màu xanh, màu đỏ, màu vàng... Tôi thấy có cái gì khác lạ trong chiếc áo dài các cô đang mặc. Nó ngộ nghĩnh và sao sao ấy. Tôi muốn đặt cho chiếc áo dài đó một cái tên. Nhưng họ đã đặt cho chiếc áo dài đó một cái tên « cải cách » rồi. Như thế cũng được.

Tôi lại muốn đặt cho toàn thân những cô mặc áo dài « cải cách » có một cái tên. Tôi đứng xa xa tôi nhìn về phía trước. Tôi đứng xa xa tôi nhìn về phía sau. Tôi đứng gần tôi nhìn. Giống một cái gì ? Giống Trưng-Trắc ? Giống Trưng-Nhi ? Không. Giống Triệu Âu ? Không. Giống gì nhỉ ? À, phải rồi, phải rồi. Giống như bút bê Đại Hàn.

Tôi muốn kiểm chứng lại xem thử ý nghĩ mình có đúng không, tôi chạy thẳng đến Trường Trung Học Cường Để vào Đại Thánh Đường của Trường này (do Đại Hàn cất) xem mấy bức điêu khắc do Đại Hàn khắc hình thiếu nữ Đại Hàn. Tôi thấy giống quá, giống quá.

Nhưng tôi chưa tin con mắt của tôi. Tôi chạy thẳng ra đường Gia long vào một tiệm Tạp Hóa hỏi mua con búp bê Đại Hàn. Người chủ lấy ra. Tôi điếng hồn. Đích thực rồi. Đích thực rồi. Tôi cảm ơn bà chủ.

Từ đó tôi khâm phục người lính Đại Hàn hết mình. Họ quả là những chiến sĩ văn hóa đại tài của dân tộc Đại Hàn. Họ vừa đánh giặc vừa phổ biến văn hóa dân tộc họ một cách có hiệu quả.

Và tôi cũng cảm thấy rằng tôi là người ngoại quốc trên đất nước tôi.

TRẦN ĐÌNH THÁI

NGƯỜI THƯƠNG BINH

Người lính độ chừng 20 tuổi là cùng. Anh ta ngồi trên chiếc xe lăn bằng tay, khuôn mặt êm ái nhìn thẳng phía trước — nơi đó, đám học trò tiểu học đang xúm xít quanh một ông tàu bán cà rem, tiếng cười đùa riu rít, những thân hình bé nhỏ lay động chập chờn giữa cái nắng buổi mai — người lính ngồi nhìn, vẻ hiền dịu của khuôn mặt như bóng im tàn lụn của tuổi đời nặng nề, tôi muốn làm thi sĩ, đề ca ngợi vẻ đẹp đầy tràn nhân tính ấy. Người lính chỉ đáng tuổi làm em tôi (đứa em nào? có phải những đứa mất hút trong trí nhớ?) Ý ngồi bình lặng giữa sáng của một ngày thứ hai, trong một cái quán bên lề đường trước mặt viện quốc gia phục hồi, tôi ngồi cách y hai cái bàn, hớp ly nước trà nguội nhạt nhèo, và chợt khám phá ra cái toàn thể đã ly tán của người lính trẻ ấy.

Một khám phá ư? Tôi không thể hiểu nữa, có điều hình như tôi mơ mịt nhận ra rằng phải triệt tiêu đi những tình cảm đề trí óc thành thói dò dẫm tìm tòi khám phá. Bởi vì chỉ tấm lòng yên ổn ấy mới nhận biết được khuôn mặt ẩn danh của người ở cạnh. Ẩn danh. Phải rồi. Là chính cuộc đời mỗi người là chính đời mình.

Làm thi sĩ, cũng là một hình thức từ chối sự ẩn danh ấy. Oi, con tim nông nàn của ngày tháng, con tim từ đời xưa truyền lại đời nay, con tim mù lòa nhưng tồn tại mãi mãi giữa đốm sáng của lòng vọng tưởng tuyệt vời. Là định mệnh chăng?

Đôi chân của người lính đã không còn, sự tàn tật về thân xác thật ra, không phải là một hình ảnh ly tán choán ngợp, mà chính ra, cái khuôn mặt không tàn phá kia đã ẩn danh bóng phế nhân, người lính 20 tuổi kia rồi sẽ già cỗi — già cỗi — Không, chúng ta không có quyền diễn dịch ý nghĩ đi quá xa như thế — sự già và sự chết là những ám ảnh quá sức buồn thảm cho những buổi mai như thế này.

Khám phá người già (hay tuổi già? thân xác già hay tâm hồn già?) trong bóng dáng trẻ thơ của khuôn mặt hòa dịu ấy, quả thật, đối với tôi là một cảm xúc đón đau: vừa đón đau, vừa phi lý.

Kỳ lạ thay, con tim mù lòa. Kỳ lạ thay, sự tưởng tượng tình cảm.

Một cánh tay rời. Một con mắt rời. Một bàn chân rời. Ở đâu đó, tôi đã nhìn thấy sự rời rạc kia của thân xác. Tôi nhớ đến những kinh nghiệm chiêm bao. Trong mơ, chúng ta có kinh nghiệm về cái chết giả hình, về thân xác giả hình và nhất là lòng yêu đương giả hình. Đó cũng là sự ly tán.

Ly nước trà đã hết. Tôi rơi nước mắt và đứng dậy. Bấy giờ, tôi thấy người lính kia cũng đứng dậy bằng hai chân không có thật của mình.

LỮ KIẾU

RƯỢU BIA, CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH, 1970

Bọn lính được nghỉ phép tụ họp trong cái quán bán rượu bia, cà phê và các thức giải khát, có cửa ra vào cao và rộng, lắp kính dày và dán hoa hippie sắc sỡ. Bọn lính đã chla nhau

ngồi nơi những cái bàn được đầu lại, thấp, hình vuông, mặt bàn lót mi ca màu lục nhạt, hoặc màu hồng, có vân màu trắng, những vệt ngang dọc ngắn, tẻ nhạt, như những nhát sơn vẽ vội; cái là bóng láng sạch sẽ. Bọn lính mặc binh phục tác chiến, rằn ri, màu lá tươi và lá chết, đội mũ đỏ, một vài mái tóc đen, những mũ đã được lấy xuống đặt trên bàn, những mũ đã được để úp hoặc xếp đôi. Bọn lính uống la ve quân đội ngoại quốc và la ve quốc nội. La ve quân đội ngoại quốc mạnh ngon hơn; la ve quốc nội nhạt, không bằng. La ve nước ngoài tràn lan khắp quán hàng, xó xỉnh, chợ búa, bị đánh cắp từ trong P.X Mỹ! Bà chủ quán mập ú, quần lãnh đen láng, áo cụt xanh lấm chấm hoa đỏ mang ra từng lổ. Hết la ve Mỹ đến la ve con cọp của hãng La Rue Saigon. Bọn lính đã chõng hàng đóng hộp không và sắp vỏ chai lớn nhỏ như rừng, lổ nhỏ, khắp trên mặt bàn. Và ngay cả dưới đất. dưới gầm bàn. Những vỏ chai cao cổ màu vàng nâu, những vỏ chai 33 thấp suông đuột, những hộp nhôm tròn màu xanh, hoặc đỏ, in đầy những chữ, mỏng tanh, nhẹ hẫng...

Bọn lính đã đỏ như hoặc đỏ tái, da mặt đã căng thẳng vẫn mở thêm đồ uống, bắt đầu trật ngực áo và bốc hơi nóng! Lại những chai bia miệng sủi bọt. Kể đó sẽ được uống từ từ, uống kỹ. Bọn lính đã bắt đầu uống kỹ hơn nữa. Cho đến lúc no đầy, căng thẳng. Nôn ra, uống nữa. Bọn lính đang uống biếu diều. Cổ trần áp men rượu, làm chủ cơn say, đã đi vào phòng vệ sinh, rửa mặt, đi tiêu, xỏ bia ra miệng... Nhẹ người, khỏe bụng. Trỏ ra. Lại uống. Những kẻ đang ngã nghiêng, những kẻ từ chối, bỏ cuộc. Những kẻ không biết uống rượu, những thằng không chịu chơi, những thằng gà chết. Những thằng gà chết ngồi im. Hãy ngồi im để cho bọn đáng mặt đàn anh trở tài. Bọn đàn anh vẫn uống chậm, thi đua. Từ tốn! Nào những ai còn theo, cho đến khi gục? — Bao nhiêu chai rồi? 14, 15. Chưa tới một két. Những kẻ chiến thắng còn muốn say thêm, nhưng còn phải ra về, còn phải vực bọn đàn em và thanh toán tiền bạc. Các đại ca muốn đề dành cơn say, đề chờ ngày hòa

binh, sẽ say luôn một thề, sẽ say và khóc, say khướt, say tít mù, cảm khái cái chính mình, cái quên lãng, cái ba vạn sáu nghìn ngày là mấy.

Bọn lính đang chịu trận, không muốn gục, và ngồi yên như các pho tượng thánh im lìm bất động, đang mở mắt lớn nhìn, mọi vật chung quanh, đang phải còn coi mọi sự ra sao, mơ hồ cảnh sinh hoạt.

Giờ đây tất cả bọn trai tráng đều không còn quyền lực ! Ngày mai hết phép lại phải đi đánh giặc. Quyền lực của bọn binh sĩ: tự do và súng đạn. Cứ vẫn phải đánh giặc, không biết chết sống ra sao. Những phát súng bắn vào không trung thù nghịch, bắn vào anh em, anh em đã biến thành quân thù, bắn vào tất cả anh em, bọn quân thù miền Bắc, bọn xâm lăng miền Bắc ! Bọn trai tráng miền Nam bây giờ đã biến thành chiến sĩ tự vệ. Bọn tự do, bọn đau thương rống lên như beo cọp, bọn thầy pháp xua đuổi tà ma, bọn can đảm mang cánh diều hâu thực hiện quyền lực mới ! Bọn gọi loa các bạn bên kia hãy hạ súng xuống, hãy cất dao găm mã tấu để nói chuyện hòa bình, nói chuyện trao đổi cách mạng, nói chuyện cách nào làm hơn thế nữa, nói chuyện đi tìm Lạc lang Quân và Âu Cơ.

Từ nãy giờ một thứ âm nhạc thời trang đang phát ra dồn dập qua hai cái máy khuếch đại hình chữ nhật bọc vải nâu kim tuyến lấp lánh, mắc sát trên cao hai góc trần nhà, từ một cái máy hát nào đó được đề bên trong quầy hàng.

Một bọn thanh niên dân sự lễ tẻ quanh đấy thì ngồi cà phê đá và các thức giải khát, đưa mắt ngó mông ra ngoài đường, nhả khói thuốc. Một bọn ăn mặc các thứ áo sơ mi đặc biệt bỏ ngoài quần, hay nhét vào quần đin và nịt da kiểu mới, nhập cảng, rất to bản, có gân và nhiều màu. Âm nhạc, tình yêu và chiến tranh trong không khí. Tình yêu và sự ướt át đang phơi bày lên những khuôn mặt buồn rầu, căng thẳng và nhẩn nhai,

những đợt sóng của con tim dâng vọt lên rồi chìm ngấm, những tình cảm đã chết vùi tự bao giờ. Bọn dân sự đang gõ nhịp chân, hoặc muống cà phê theo điệu nhạc phát ra, theo điệu nhạc rộn rịp, náo loạn, buồn rầu. Nỗi yếu ớt của tình yêu được dấu kín bằng cái ăn chơi, hưởng ứng cái bề ngoài, không biết, hoặc cái khờ khạo khát khao, cô đơn thui thủi, ngoi lên như những con cá tháng 7 !

Và bọn thanh niên đang ngoi lên. Bọn dân sự vốn đang khao khát bộc lộ tâm sự, tình yêu bị bỏ ngỏ, trong cơn tỉnh thức đang cố ráo hoành, đang kéo ra khỏi giấc ngủ của khối óc, của con tim mịt mù, trong lúc này đang mong một lòng ngực bị dồn ép, một bầu hơi xung kích bất bình, muốn được xì hơi và hào sảng. Đập bề đến cùng sự tin tưởng, phản kháng bọn âm lời, bịp bợm, bọn ma giáo, bọn mị dân, bọn bóc lột, bọn đã man, bọn độc tài, bọn đàn áp... Nổi hậm hực, nổi hận đời, muốn nổi loạn ; những kẻ vô tín ngưỡng...

HỒ THÚY GIỮ

SÁCH BẢO MỚI.

Tòa soạn nhận được những tác phẩm sao đây do nhà xuất bản hoặc tác gởi tặng. Tạp chí Ý Thức trân trọng cảm tạ các tác giả và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

NGƯỜI ĐẸP VÀ BÓNG HẠNH PHÚC. Thích Nữ Cát Tường và Thê Quán, do Đăng Quang tái bản. Sách dày 72 trang, giá 55đ

Cuốn sách trong tủ sách gia đình.

— **EM MƠ NGƯỜI HOANG ĐẢO,** Thích nữ Thê Quán, do Đăng Quang xuất bản, dày 152 trang, giá 90đ.

Tập truyện gồm 10 truyện ngắn của một nữ tu,

— **NIEZCHE, TÔI LA AI?** Phạm công Thiện dịch, Phạm Hoàng xuất bản. dày 176 trang, giá 170đ.

Cuốn sách đầu tiên trong toàn bộ tác phẩm Nietzsche do Phạm công Thiện dịch từ nguyên tác Đức ngữ.

— **KHUNG TRỜI NHỎ HẸP,** W.S. Maugham, bản dịch của Đỗ Khánh Hoan và Phạm quốc Dzũng do An Tiêm xuất bản, dày 304 trang, giá, 260đ.

Tiểu thuyết của một nhà văn lừng danh.

— **HÃY CỨU LẤY TÙ NHÂN,** Suzanne le bégue, bản dịch của Trần quang Huê, Đuốc Thiêng tái bản. Sách dày 160 trang. Giá 150đ

— **DUNG NHAN:** Thi phẩm thứ ba của Phan viết Thủy, Kim Việt xuất bản. Sách dày 64 trang. Bản đặc biệt trên giấy trắng. không ghi giá. Bìa của Hồ hữu Thủ. Phụ bản của Nguyễn Khai và Nguyễn hữu Nhật.

Một tập thơ thể hiện tuổi trẻ trên quê hương chiến tranh

— **ĐẢO CHÍNH MẶT TRỜI:** Tập thơ đầu tay của Dương Linh, cơ sở Khởi hành xuất bản. Sách dày 60 trang. Giá 101đ. Tựa của Lam Giang.

— **RÃ RỜI :** Tập Thi phẩm của Trần đình Thái, cơ sở Văn Hóa xuất bản. Sách dày 50 trang. Bản đặc biệt trên giấy trắng dày, không ghi giá.

MỖI KỶ
I PHÒNG TRANH

Người xem : HUỖNH
HỮU ỦY
Phòng tranh : NGUYỄN
KHAI - HỒ HỮU THỦ
NGUYỄN TRUNG

Ba họa sĩ quen biết của hội họa sĩ trẻ Nguyễn Trung, Nguyễn Khai, Hồ hữu Thủ vừa cùng bày chung 21 bức tranh tại Pháp vẫn đồng minh hội từ 2 đến 10 tháng 11 năm 1670.

Trừ bức tranh « người và thú » của Hồ hữu Thủ được thực hiện bằng sơn mài (laque), tất cả đều là sơn dầu. Và đặc biệt nhất là đều toát ra một vẻ quyến rũ kỳ lạ, ánh sáng từ những bức tranh tỏa chiếu ra, rực rỡ hay trầm lắng, cuối cùng cũng cuốn hút những mắt nhìn thường lâm trở lại với chính thế giới mỗi tác phẩm.

Ở Nguyễn Trung, với những đường nét, bố cục chắc chắn, vững chãi, với một kỹ thuật chứng chạc đề nhào trộn sắc màu, đơn giản mà vẫn táo bạo, rất cổ điển mà vẫn đầy tinh thần sáng tạo và tìm kiếm mới mẻ. Nghĩa là với một màu sắc đặc biệt, với một bút pháp cá biệt, ông luôn luôn chế ngự được vũ trụ sáng tạo của riêng mình.

Một thế giới vô cùng thơ mộng trùm lên toàn thể tranh Nguyễn Trung, từ « Thiếu nữ đứng trên đá », « sen hồng » đến « khóa thân », « đêm xanh » « hoa vàng »... tuy nhiên ấy là một

thứ thơ mộng pha chất đắng và khô. (*) Về khô, buồn thảm đó tỏa chiếu ra trên đôi mắt thiếu nữ đứng trên đá, quàng khăn lụa, hai bàn tay gầy chụm vào nhau. Đằng sau thiếu nữ là nền cát, nền trời xám sẫm, nhìn kỹ thì ngả sang xanh. Và nhìn thực kỹ, ánh sáng chính đã tỏa chiếu từ tấm nền u tối ấy lại hòa hợp với ánh sáng từ mỗi mỗi những mảnh đá đều đặn phía dưới chân thiếu nữ. Không những về khô ấy toát ra trên khuôn mặt bà mẹ già sau những cánh hoa tàn úa «sen hồng», mà toát ra ngay trên thân thể tươi mát khỏe thân của thiếu nữ, trên từng phần phần diện giữa tối sáng trên tấm thân trần ấy. Nguyễn Trung đã sử dụng nguyên tắc clair-obscur, một nguyên tắc rất cổ điển mà từ thời Trung cổ và những Leonardo da Vinci, Rembrandt đã rất chú tâm dụng đến, tựa vào những tương phản ánh sáng và bóng tối. Sự vật xuất hiện bao giờ cũng được nhận ra bằng những đường viền ánh sáng, bằng bóng tối hay ánh sáng phản chiếu trên sự vật. Tuy không lạm dụng, Nguyễn Trung đã áp dụng nguyên tắc này đến tối đa, ánh sáng tỏa chiếu đến sự vật, bị che lấp gây nên bóng tối, ngay trên từng mảnh đá nhỏ, từng cồn cát thấp, từng cánh hoa, từng ngọn lá, trên từng đường nhăn của áo trắng thiếu nữ. Bố cục lại rất táo bạo, ví dụ thiếu nữ trong bức «áo trắng» được ông đặt ngay giữa bức tranh, thiếu nữ lại được lấy ngay chính diện, đằng sau là những tàu lá chuối ngả ra hai bên đều đặn tạo thành một composition symétrique, là một bố cục mà những họa sĩ trẻ bây giờ vẫn tránh. Màu xanh trời ngả đậm về nền cho bức «áo trắng» và «sen hồng» đều là những màu ít được dùng đến. Thường thì để làm nền cho một bức tranh, người ta hay dùng đến những màu sắc cầu kỳ để tạo nên chất lạ, ở đây Nguyễn Trung dám dùng màu xanh trời ngả đậm ấy, một

(*) Trong một số Journal d'Extrême-orient mới đây, một người Âu Châu xem phòng tranh này, đã nhận ra tranh Nguyễn Trung là một thứ «sèche beauté», tôi rất đồng ý với lối nhìn này mà nhất định là phải bắt nguồn từ một trực-thức thưởng-ngọa cao.

màu sắc quá đơn giản, lại có vẻ « nhà quê » nữa là khác. Nhưng có lẽ chính đó là một thử thách táo bạo của Nguyễn Trung, cái táo bạo trong khiếm cung và đơn giản, để tạo riêng cho mình một ký hiệu, một lối phát biểu, một ngôn ngữ. Và có lẽ không ai chối được rằng, với màu sắc đơn giản kia, màu sắc toàn thể bức tranh vẫn rất điều hòa kết hợp nhau. Điểm đặc sắc hơn hết là Nguyễn Trung đã thực hiện trong một sự cầu trọng vô cùng quý báu, xem tranh ông chúng ta không thể bỏ qua bất cứ détail nào, càng nhìn kỹ càng thấy tuyệt đẹp. Dường như mỗi lần vẽ một bức tranh như thế, Nguyễn Trung phải mất cả mấy tháng trời, ấy là một hành động tích cực và đầy trách nhiệm đối với nghệ thuật, vô cùng đáng tán thưởng. giữa thời buổi hội họa chỉ còn là trò chơi doodle này! Tuy vậy, bất cứ kỹ thuật nào, dù là với kỹ thuật sơn dầu của Nguyễn Trung mà có một nhà văn đã cho rằng đạt đến mức tuyệt đỉnh của sơn dầu, vẫn không tránh phải một vài nhược điểm nào đó. Ông chú trọng từng mỗi chi tiết nên khi đứng gần bức tranh, tỉ dụ ngay chính bức tranh đáng chú ý nhất mà chúng ta đã đề cập « *Thiếu nữ đứng trên đá* », mỗi chi tiết nhỏ, mỗi phần matière nhỏ trên tranh đều là một quyển rũ, mỗi mảnh đá đều toát ra ánh sáng và tiếng nói, mỗi gợn cát, mỗi đường nhăn trên chiếc khăn đều thế. Phải chăng muốn được phần này ta vẫn phải mất đi phần khác? Có lẽ nghệ sĩ phải hy sinh chi tiết để đạt đến toàn thể, và ngược lại, nhưng tuy thế mỗi cơ cấu phải có riêng những đòi hỏi, kiến trúc và hòa hợp của riêng nó vẫn là điều tất nhiên mà thôi.

Ở Nguyễn Khai thì màu sắc và đường nét hoàn toàn khác hẳn. Những nhát bay, những đường dao, những lát sơn mạnh mẽ, tạo thành từng tảng màu sắc trong — bóng đặt cạnh nhau gần như kỹ thuật collage. Sự vật hay đối thể vì thế mà xuất hiện gần như một tác phẩm điêu khắc, từ « *giọt sương* », « *tượng đứng* », « *tượng ngồi* », cho đến « *trẻ con trên phông đỏ* », « *thiếu nữ trên phông đỏ* ». Bản chất của điêu khắc là gồ ghề, lồi lõm, thô bạo và khối thể. Nhưng khối thể

ở đây lại chỉ xuất hiện trên một phẳng dẹt (aplat), nếu là điều khắc thì đây là một thứ điêu khắc mới, qua một lối nhìn tĩnh lọc và mới mẻ, không còn những khối thê của một Rodin hay Mai chững chãi hạn, một lối nhìn rất hồn nhiên gần như trẻ con khi nhìn sự vật. Người và vật trong tranh Nguyễn Khai lại xuất hiện trên một tấm phẳng rất giản dị và đồ chổi, tấm phẳng ở đây (nền tranh) lại chỉ tựa như một tấm màn nhung đỏ thắm, rục rịch khép lại của một sân khấu. Tấm phẳng rất bình thường, không pha trộn màu sắc và chất liệu gì khác, nên rất giản dị, một thứ giản dị lạ mắt. Có lẽ đây chỉ là một thứ diêm tìu kiếm của Nguyễn Khai, chưa có gì mới lạ. Thế giới Nguyễn Khai nhìn chung là một thế giới thô bạo và thô mọng, lại được dựng bằng một bố cục hết sức chặt chẽ, trong bức *«thiếu nữ và phong đỏ»*, người ta tưởng chừng như nàng thiếu nên thơ ấy bị ngã hẳn về phía trước, nhưng một cành lá (cành lá cũng rất mạnh mẽ) ở từ góc trái đang trước như đỡ lấy thiếu nữ, cả hai như tựa vào nhau dù không chạm vào nhau, gây thành một thế đứng vững. Trong phòng tranh, Nguyễn Khai còn bày hai bức tranh khác nữa là *«chân dung nàng thơ»* và *«thấp sáng màu hồng»*, với những đường nét nhẹ nhàng, không gây khúc mạnh mẽ mà là cong lượn. Có lẽ hai bức này được vẽ vào một thời kỳ khác, nên hơi lạc điệu đối với những bức tranh đã đề cập, làm thiếu đi sự nhất tính của một tác giả.

Ở *Hồ hữu Thủ*, kỹ thuật tạo hình và bố cục hơi gần với Nguyễn Trung, một bố cục cân đối và trau chuốt cẩn thận (bức *Yên tĩnh, Thiếu nữ xanh, Khỏa thân*).

Cái đẹp trong tranh Nguyễn Trung là một cái đẹp khô, thì ngược lại nơi Hồ hữu Thủ là một cái đẹp tươi mát và đầm đìa. Đầm đìa nơi một thung lũng yên tĩnh, đầm đìa nơi ngực trần một một thiếu nữ khỏa thân, nơi những đóa hoa nở, những búp lá non mạnh mẽ đâm chồi... Tranh Hồ hữu Thủ là một bùng nổ mới mẻ, như vẽ sơ khai của cái đẹp vừa được vén lên, mở ra (*khu vườn thức giấc*), đó là cái đẹp sơ khai của một thiếu nữ trần trong khu vườn hoang sơ dưới mắt nhìn

trông lên của một thứ Adam mới, bắt đầu ý thức về tội lỗi, về sa đọa.

Cái thơ mộng của Hồ hữu Thủ toát ra khắp cùng, từ những đường nét trau chuốt tỉ mỉ nhất, của một thiếu nữ ngây thơ đứng nghiêng trên một lọn hoa, cạnh một luống hoa và lá đầy những búp mạnh và nõn, cạnh một con ngựa đội tràng hoa. Con ngựa đã được kiểu thức hóa (stylisé) qua những ấn tượng đã được gạn lọc để trở thành một biểu tượng, bằng những bắp thịt căng tròn tự lại, gần như ngựa của nghệ thuật thời trung cổ, qua những chạm trổ và điêu khắc thời đó (*Thiếu nữ, ngựa và hoa*). Tranh Hồ hữu Thủ toát ra khắp cùng một vẻ thơ mộng, biểu-tượng-hóa và không còn hợp lý dưới lối nhìn thường nhân, Có lẽ vì thế mà có người đã so sánh Hồ hữu Thủ với Chagall, và vì vẻ hồn nhiên trau chuốt mà so sánh với Henri-Rousseau (*).

Tôi đã nhận xét ở trên, rằng tranh Nguyễn Trung là một vẻ đẹp khô, thì tranh Hồ hữu Thủ là vẻ thơ mộng đậm đà và hồn nhiên (naïf), có thể gọi Hồ hữu Thủ là một néo — primitif trong viễn tượng đó.

Vời phòng tranh này, cả ba họa sĩ Nguyễn Trung, Hồ hữu Thủ, Nguyễn Khai đã mang lại những tác phẩm nghệ thuật quý, hiếm, đầy vẻ say đắm sáng tạo tuyệt diệu. Khách thưởng ngoạn hội họa phải biết ơn một phòng tranh như thế, giữa một thời buổi mà nghệ thuật đang phá giá, mang đi bán rao rẻ tiền trên đường phố, hay chỉ còn là một sự lừa bịp như thời buổi này.

HUỲNH HỮU-ÚY

(*) Số báo Journal d' Extrême-Orient đã đề cập.

Người xem : CÔ THU HƯƠNG
Phòng tranh : HOÀNG ĐĂNG NHUẬN

XEM TRANH HOÀNG ĐĂNG NHUẬN

Bên trong một thành phố vô cùng phồn thịnh của những phát triển và phát huy — Cái thành phố mà tội lỗi, sa đọa đi cùng một nhịp thuận với những công tác phát triển cộng đồng và những hiệp hội phát huy văn hóa — giới thưởng lãm hội họa đã ngạc nhiên trước một thế giới lạ lùng mà thân thiết của 33 họa phẩm của họa sỹ Hoàng Đăng Nhuận trưng bày tại số 52 đường Nguyễn thị Giang — Đà Nẵng.

Khởi đi từ một quê hương điêu tàn đồ nát, nơi mà con người hoặc vô tình hoặc cố ý đánh mất bản thân mình hay bị kẻ khác sát hại và cướp đoạt đến độ quê cũ méo mó khủng khiếp. Bằng những màn nâu đậm, màu tím thâm, màu xanh lục... bằng lớp tạo hình phản chứng, bằng những bố cục khá linh động (đôi khi không chặt chẽ) Nhuận đã vẽ ra cái vóc dáng con người bầy nhầy xác thịt trên đà hủy hoại, với một tâm trạng thê lương nham chán. Phải chăng y đang bị « Âm ảnh » bởi cái thực tại vô cùng đen tối của thân phận mình, phải chăng y đang nhớ tiếc quê hương xưa cũ, nhớ tiếc tiền thân « Thánh linh » của mình.

Điều khá đặc biệt là Nhuận không mắc bầy trong mê hồn trận của những đòn đau khổ lụy, Nhuận không chìm đắm trong khoắc khoải siêu hình — hiện là thảm kịch của nền văn hóa Tây phương — như phần đông các họa sĩ đương thời và hầu hết các họa sĩ trẻ Việt Nam, đang lao đầu khám phá cái thế giới khốn cùng bi thảm kia. Họ đã thể hiện lên tranh của họ nỗi đòn đau cùng cực, sự phản nộ cuồng bạo của tâm hồn họ.

Sự chuyển hướng của Nhuận khởi từ một nhận thức vô cùng quý giá. Sự sa đọa hết đường cứu chuộc của kiếp nhân

sinh. Bầy nai rời bỏ thế giới thần tiên của «Tiên sử» đang lao đầu vĩnh viễn vào «Đêm» tối mịt mù của cõi phù du này. Người nghệ sĩ với tâm trạng của kẻ lưu đày ngày đêm «Từ cổ hương» đang vận dụng hết cả năng lực sáng tạo để dựng lại một thiên đường đã mất.

Tôi đang đối diện với một thế giới mà Nhuận là kẻ khai thiên lập địa. Nhuận đã rời bỏ những đau đớn siêu hình giả tạo như một căn bệnh dịch của thời đại không nuối tiếc. Anh đã thực sự đi vào thế giới riêng tư của anh mà mỗi bức tranh của anh là một phần bộ của thế giới mới đó. Màu sắc của anh tuy mờ mà không xám xịt, tuy huyền ảo mà không đen tối. Ấy là sự biến hóa linh động của màu sắc thiên nhiên của đạo học Đông phương. (Một khu rừng mịt mù sương khói, một thác nước dựng đứng trắng xóa...) với màu sắc đó, cộng thêm lối tạo hình uyển chuyển ti vi với những đường cong không có khởi đầu và cũng không có chấm dứt... người ta khó mà phân biệt mình bạch đầu là người đầu lả cỏ cây đất đá... Vậy đó mà qua tranh của Nhuận nơi nào cũng phản phát bóng dáng con người dù trong «Thạch động» hay bên «Gành đá». Phải chăng đó là hình ảnh của «Thần thoại». Cái «Khuôn mặt thạch nhũ» đã là biểu tượng cho sự hòa hợp giữa trời và đất, giữa vũ trụ và con người. Nhìn những hình thể không phải là những hình thể của thực tại ấy người xem đã có lý một phần khi trách Nhuận không phải là tay sành sỏi kỹ thuật tạo hình. Nhưng, tuy nhiên khi người nghệ sĩ chối từ, phủ nhận thực tại thì bảo y chụp ảnh nó mà làm gì?

Nhuận không bị gò bó bởi trường qui và giáo điều về cách thể tạo dựng bố cục. Nhiều người cho rằng Nhuận đã thất bại ở phạm vi này. Điều này đúng. Tuy nhiên theo tôi, người nghệ sĩ có tinh thần phóng khoáng như anh, nếu chịu khó một chút, khiêm nhường một chút anh sẽ rời bỏ được «Vàng an nghỉ» và chắc chắn anh sẽ hiện ngang qua được «Vàng đất lạ».

Người xem khó biết đích xác Nhuận đã dùng sơn dầu hay màu nước để vẽ. Thực ra thì Nhuận đã dùng sơn dầu làm chất

hiệu và lại xử dụng kỹ thuật màu nước. Người xem cũng phân vân không biết Nhuận theo trường phái nào. Vì qua tranh của anh, trừ một vài bức chịu ảnh hưởng của hội họa Tây phương (chữ dùng cho hội họa mới ở Việt Nam) còn hầu hết tranh còn lại của Nhuận mặc dù mang tính chất thuần túy Đông phương, tuy nhiên từ màu sắc, đường nét, bố cục cho đến đề tài tuyệt đối không có dấu vết nào ở tranh Tàu, hoặc tranh Việt Nam cổ. Quả thật người xem khó mà quyết định anh chịu ảnh hưởng trường phái nào. Theo tôi, Nhuận đang khai phá con đường riêng biệt độc đáo của anh, con đường «*dự phóng hiện thực*» trong tinh thần đạo học Đông phương. Khi người nghệ sĩ chối từ một thực tại này không có nghĩa là anh ta không cố tạo dựng ra một thực tại khác qua dự phóng của anh. Tôi đã thất vọng quá nhiều ở đời sống này, tôi mong rằng Nhuận không làm giàu thêm những thất vọng của tôi.

THU HƯƠNG

CAO HỮU HUẤN

khoảng còn lại

Sinh năm 1928 tại Huế, Cao hữu Huấn bắt đầu viết, viết rất nhiều từ năm 1948 - Anh đã cho xuất bản :

— *Thầy Tú* (kịch) Paris 1952

— *Humorous stories* Paris 1953

Trước 1954 anh viết cho các báo *Đời Mới*, *Nhân loạ*. Từ 1954 về sau anh chuyên viết kinh tế cho tuần báo « *Chấn Hưng Kinh Tế* » và vài tờ báo chuyên môn khác.

Cao hữu Huấn đi lính từ năm 1961 đến năm 1967. « *Khoảng còn lại* » là tác phẩm thai nghén trong thời gian làm than này, anh khởi sự viết từ năm 1966.

Ý THỨC.

1

Tôi biết tôi đang bước lên thang gác. Tôi cố ý dẫm mạnh lên những bậc thang bằng gỗ để nghe tiếng động rầm rầm. Thật ra, tôi không cố ý gì cả : Cái thói dẫm mạnh bước chân

đây là di sản của hơn sáu năm ở lính. Người ta đã dạy tôi phải đi đứng cho hùng hồ, hiên ngang. Nếu bây giờ tôi « hiên ngang » — cái đó tự nhiên vậy, tôi không có trách nhiệm gì cả.

Từ trong một góc, Sâm ngẩng đầu lên, lơ đãng nhìn tôi rồi lại cúi xuống tập giấy kẻ trên đùi, tiếp tục viết thật nhanh. Hân viết báo lai rai và thỉnh thoảng cũng viết tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự, nhưng hân nhất định bảo hân là « nhà văn lớn » — lớn hơn tất cả những thằng cha, con mẹ đã viết văn từ xưa đến nay. « Tội nó là đồ bỏ hết ». Sâm thường nói như vậy, rất nghiêm trang. Cũng như bây giờ hân đang nghiêm trang hí hoáy viết. Tôi chịu không được cái gì nghiêm trang. Tôi bật cười. Tôi cười thành tiếng. Không ai chú ý.

Đức ở trần, vẫn cái xịn bằng vải có ô vuông như kiểu người Ấn độ hay Cam bốt, nằm trên giường bố, day mặt vào tường, ở đây có dán tấm hình màu của một con đàn bà ở trường, đứng ngồi nằm dưới mọi góc cạnh mà mắt người có thể nhìn được. Đức vẫn thích nằm yên thế, ngắm con đàn bà bằng giấy với cái mông và cặp vú căng tròn, trắng hơn các chỗ khác.

Đèn nê ông xanh xao đến chóng mặt.

Máy ra đi ô hàng xóm đang la to một nhịp cha cha cha nối liền bằng một giọng vọng cổ. Vậy gọi là tân cổ giao duyên đây nhỉ ? Một loạt súng nổ rền bên kia sông. Súng của ai ? Tấm màn cửa sổ bay nhẹ nhẹ. Cái sàn gác rộng bằng bốn chiếc chiếu bập bênh trôi rung rinh, quay quay theo một trục nào đó trong không gian.

— Mới về đó hả ?

Câu hỏi ngu ! Tôi mới về, nó thấy, nó hiểu như vậy rồi vẫn « mới về đây hả ». Chán ! Tôi cười cười :

— Ừ. Mới về.

Có tiếng còi hạ vút lên, kéo dài một chút rồi hạ thấp, tắt lịm. Còi giới nghiêm. Tiếng hú giữa đêm khuya của con người

Việt Nam — trong đó có con người nhất thiết làm công sản, có người thì nhất thiết không làm công sản. Kể từ giây phút này, không còn tình anh em. Tôi sẽ nổ súng vào bất cứ bóng đen nào xuất hiện, dù bóng đen ấy là anh đang kiếm chỗ đi la sau vườn. Đứng ngồi dậy, vắn lại cái xịn, quờ chân tìm đôi dép.

— Mười hai giờ rồi. Thôi đi ngủ !

Hắn bước xuống cầu thang, mò ra bếp đi tiểu. Lúc trở lên, qua chỗ tôi, hắn khịt mũi hỏi :

— Lại uống rượu rồi phải không ? Sao uống mãi thế ?

Tôi nói :

— Đâu có uống mãi ? Mới uống từ hồi 6 giờ.

Hắn cầu nhàu một câu gì đó — tôi nghe lỏm bóm mấy chữ « giữ tư cách » — rồi bỏ mùng, chun vô giường nằm, trở qua trở lại tìm một tư thế thoải mái nhất. Dưới sức nặng của hắn, chiếc giường bố cũ kêu ọt ọt.

— Thôi khuya rồi ! Tắt đèn cho thiên hạ ngủ với, mấy cha !

Rồi hắn thêm : « Ngủ mai còn đi làm. Mai mình phải đi sớm, xuống tuốt dưới Quận, thăm các trại định cư đồng bào tỵ nạn công sản. Tuần này phải đi bảy quận, mệt thấy mẹ ! » Không trả lời hắn cả. Sâm cứ hí hoáy viết, mắt sáng lên, vẽ mặt vẫn nghiêm trang. Tôi muốn đề nguyên cả áo quần, cả giày, nằm xuống, nhắm mắt lại. Tôi biết tôi đã say.

Tiếng súng vẫn nổ gần hơn. Tiếng súng nổ đi và tiếng súng dội lại, đáp lễ, trả lời. Một cuộc đối thoại lâu quá — hơn hai chục năm rồi. Tiếng nói chuyện ồn ào và nhàm chán ấy vẫn vang vang trong cái đầu rỗng, căng thẳng của tôi. Mơ màng, tôi cảm nhận Sâm đến bên tôi. Loáng thoàng có những tờ giấy đầy chữ nguệch ngoạc. Giọng Sâm đọc, thú vị. Tôi hé mắt dò ngầu nhìn chăm chỉ bộ râu của Sâm nhúc nhích trên mép. Tôi mỉm cười. Sâm cười to, hô hô :

— Viết truyện ngắn như vậy là tò sư rồi chứ gì ?

Tao là nhân chứng của thời đại. Chúng nó phải quì xuống mà đọc ! Quì xuống rồi còn phải thấp nhang, xá mấy xá mới được đọc ! Cậu thấy thế nào ?

Thấy khát nước lắm. Tôi thấy một màu đỏ đục, bầy nhầy, vương vãi. Tôi thấy mệt, mệt lắm. Tôi thấy cần nhiều không khí hơn cho khỏi nghẹt thở vì cơn suyễn đang lên. Tôi thấy tất cả đều lệch lạc, xa xôi, không liên hệ gì đến tôi cả. Và tôi ngạc nhiên sao quá tính đề còn nhận biết mình đã say khướt. Có lẽ tôi không nên uống rượu như vậy — nghĩa là tôi nên uống say hơn chút nữa. Tôi bảo Sâm :

— Rót cho miếng nước !

Nước thật ngon ngọt trong cổ họng khô đắng. Tôi ngủ yên sau đó. Lúc tôi tỉnh giấc, trời còn tối. Máy giờ ? Không biết, nhưng trời còn tối. Đèn tắt cả. Có đĩa nào bỏ mừng cho tôi. Hai thằng bạn ngáy đều mỗi đĩa một góc. Không khí lành lạnh. Tôi kéo mền đắp lên tận cổ, thanh thản nhận sự cô đơn của mình. Rồi có ánh sáng. Một mặt trời đỏ ối xuất hiện sau mái nhà bên kia.

Một tiếng còi hạ vút lên, kéo dài rồi tắt lịm.

Bây giờ rười, buổi sáng, một ngày khác.

2

Tôi mặc đồ lính vào. Áo quần trận, màu cửu ngựa. Giày trận, với những lỗ xỏ giày chi chít. Người Mỹ có tiếng là thực tế, tôi phục lắm : một đồ la với một đồ la là hai đồ la — không cài vào đâu được. Nhưng nhất định tôi không thề nào được ông Mỹ nào đó đã sáng chế ra loại « bốt đồ xỏ » này. Giày cao cổ, giày dài lòng thòng, xỏ cho đúng và cho xong mấy chục cái lỗ — và hai lần như vậy — cũng mất đi năm phút. Năm phút của cuộc đời mỗi ngày để mang giày và để tháo giày ! Thật là phí phạm quá. Phí hơn nữa khi

cuộc đời ấy lại là cuộc đời lính, không có nhiều phút trước mặt !

Lính .. vậy tôi là lính, không phải thứ gì khác. Tôi có một quân số. Tôi là một con số đề khi cần, ghi vào kết quả các cuộc hành quân : « Ta hạ được 13 tên bỏ xác tại trận. Bên ta 5 chiến sĩ hy sinh... » Thoáng một cái, tôi nhớ lại khuôn mặt, dáng dấp của những thằng bạn lính mà tôi đã gặp, còn sống hay đã « cõ ». Cõ là chết. Thường lính chết trận được thăng vọt lên một bậc. Ví dụ Đại úy chết được vinh thăng « cõ thiếu tá ». Không đứa nào muốn chết cả nên trong anh em lính tụi tôi, giỡn cái gì cũng được nhưng đừng phong cấp bậc « cõ » bất tử. Giỡn vậy có điểm, không tốt. Tôi không quên được chuyện hạ sĩ Minh mà chúng tôi đã gọi bằng « cõ trung sĩ ». Anh ta xứng đáng được thăng cấp từ lâu, nhưng mãi vẫn chẳng thấy chữ « V » đến với anh. Chính vì sự lâu lác đó mà chúng tôi mới gọi đùa là cõ Trung sĩ — ý muốn nói rằng còn khuya, họa may đến chết, anh mới được đòi lon. Ấy vậy mà sự việc đến thật. Trong một cuộc chạm súng, chúng tôi đã bắn hạ 4 chú em 17, 18 tuổi, đoạt ngon lành 4 khẩu AK/50 còn nóng hổi. Khoái quá, chúng tôi tràn lên. « Cõ trung sĩ » hăng nhất đám, một mình ôm cây trung liên, vừa quạt vừa xông tới. Bỗng anh ta reo lớn chạy như bay đến bên bờ ruộng nơi đó có một xác địch còn cử động nhẹ nhẹ, cánh tay mặt buông xuôi thả rơi một khẩu súng trường Nga. Gần tới nơi Minh cúi rạp mình xuống, trườn tới. Tiếng súng địch đã im bặt và chúng tôi cũng nghỉ bắn. Tôi thấy rõ bàn tay của Minh vươn ra và khép lại trên khẩu súng chiến lợi phẩm. Rồi Minh đứng thẳng lên, quay về phía chúng tôi, nét mặt sung sướng, sáng lên rực rỡ. Đúng giữa lúc ấy, một tiếng nổ lớn phát ra ngay chỗ Minh đứng — tiếng nổ của lựu đạn. Minh biến mất ! Sau này, chúng tôi mới hiểu rằng địch đã chờ Minh đến lấy súng và từ xa, bắn chính xác vào Minh. Viên đạn kỳ dị ấy phải trúng vào cái chốt an toàn của quả lựu đạn Minh mang ở thắt lưng và lựu đạn

phát nổ. Chỉ có lối giải thích ấy mà thôi bởi vì chung quanh chỗ Minh đứng, không có một nơi nào địch có thể nấp để tung một quả lựu đạn như vậy. Cái chết đến nhanh quá, đột ngột quá, chắc chắn là trong tích tắc giữa lẫn ranh sống chết, Minh không hiểu được tại sao. Cái bụng của mình đứt ngang, phần dưới nằm tại chỗ, một phần ruột gan của Minh phủ lên người, lên mặt của xác tên địch còn phần trên văng ra nằm lạc lõng trên mặt ruộng nước nê. Chúng tôi cố gắng đi lượm những gì còn sót lại của Minh, bỏ vào một cái gói ni lông. Dem về cái gọi là nhà vĩnh biệt, chúng tôi ráp hai phần của Minh lại, đặt cái gói ni lông vào chỗ đáng lẽ là cái bụng, mặc áo quần cho anh đang hoàng. Nhìn anh nằm trong hòm như thế tôi không nghĩ rằng anh đã chết, và chết đứt làm hai khúc. « Thân thể người ta chia ra làm hai phần »... Tôi mỉm cười. Và tôi có cảm giác như Minh cũng đang mỉm cười với tôi. Một người chết một người sống nhìn nhau mà cười về bài học cách trí mới. Rồi thì cũng phải mời thân nhân đến. Bà xã của Minh tuồng vô nhà xác, lẫn ra mà khóc : « Anh ơi là anh ơi... Anh chết làm chi... » v.v... Những đứa nhỏ đứng ngơ ngác, nhìn quanh căn nhà lạ của chúng nó, rồi cũng khóc thút thít. Chúng khóc vì thấy mẹ chúng khóc. Cái chết của cha chúng là một cái gì thật quá sức hiểu biết của chúng. Chiến tranh là gì ? Chết là gì ? Cát nghĩa cho tụi nó chẳng khó lắm. Khóc chán, tụi nhỏ ngồi bệt xuống đất, vọc đồng cát liềm còn dư. Cát bay tưng toé, văng cả vào bát nhang. Chị Minh hỉ mũi vào vạt áo, day lại tụi con : « Đừng phá quá, tụi bay ! » Nét hoảng hốt ban đầu trên mặt chị không còn khắc đậm nữa. Trông tụi bây giờ bình tĩnh lạ lùng — một thứ bình tĩnh thật dễ sợ. Một sự chịu đựng thảo mộc. Một sự thách cao ngạo, lì lợm. Tôi bỗng nghĩ đến trường hợp tôi chết — nằm trong cái hộp gỗ như thế kia. Vợ tôi sẽ có phản ứng như thế nào nhỉ ? Những đứa con của tôi có vọc cát không nhỉ ?

Tôi lắc lắc cái đầu :

— Có lẽ mình còn say. Mình còn sống. Chưa chết — Ít ra là bây giờ. Những người khác có thể chết chứ mình thì chết

thế nào được ?

Tôi cột giầy giày. Tôi đứng dậy đến trước gương chải tóc. Chải vì thói quen thế thôi, chứ mấy sợi tóc ngắn cùn cùn trên cái đầu của tôi nhất định không chịu nằm xuống. Tôi nhìn vào tôi trong tấm gương. Tôi có thật nhiều mụn trên mũi, trên má. Mụn trên mũi thì có cồi trắng, mềm ướt, có khi nó ra dài như một sợi dây. Mụn trên má thì cồi đục cứng, ở đầu nút có chấm đen. Nặng được một cái mụn đen cứng là chuyện sướng vô tả. Cầm cái cồi cứng xoa xoa giữa hai ngón tay để cảm thấy mình đang cầm một chút gì của chính mình... Các anh tưởng tôi đang nói chuyện triết lý gì đây, phải không ? Đâu có ! Chuyện tầm thường hằng ngày — những cái thú lật vật của con người. Ông nào có mụn như tôi cũng sẽ xác nhận cái thú nặn mụn và vẽ mụn. Nhưng vì mụn nhiều quá làm xấu cái mặt, lắm khi tôi đã nghĩ nên mua chai thuốc trừ mụn bôi vào cho dứt tiết. Hình như cũng có những loại thuốc mọc râu — bôi đâu mọc đó. Và thuốc trừ hôi nách. Lại có thuốc xoa vào vú, vú sẽ to lên. Và đàn bà, dĩ nhiên. Thời buổi này có hai chuyện vui : chiến tranh và đàn bà. Thế mà có những viên đạn bắn vào vú đàn bà. Phí quá ! phí đạn và phí cái vú !

Bây ! Tư tưởng không đứng yên được một chỗ. Tôi có người bạn tu thiền. Anh ta bảo phải tập trung sự suy nghĩ về một việc — bất cứ việc gì, nhưng chỉ là một việc độc nhất. Như vậy, trí tuệ sẽ dần dần sáng tỏ, ổn định, thoải mái. Lên một bậc cao hơn, cái việc độc nhất ấy cũng sẽ được cất luôn. Trong trí không còn cái gì nữa. Đến trình độ này là « ngộ », là đạt. Nghe thì cũng hay lắm. Tôi đã cố thử vài lần, nhưng không được. Ví dụ như trong giờ phút này đây, tôi đang nặn mụn và cố tập trung tư tưởng của tôi về mụn, nhưng tôi vừa liếc thấy cái tên « Huấn » trên túi áo lính bên phải. Tôi nhìn sưng cái tên ấy, lòng bàng hoàng kinh ngạc. Huấn... Tên tôi. Tôi tên là Huấn. Thật vậy sao ? Tôi nghiệp cho tôi. Mãi đến bây giờ, tôi vẫn chưa quen với cái tên pháp lý của tôi. Tôi nhớ hồi nhỏ, tôi tên là Út — có người còn gọi là Út Em. Lớn lên một chút nữa, tôi được mọi người chung quanh gọi

tôi là Mười, bởi lẽ giản dị tôi là con thứ... chín trong gia đình. Kịp đến khi lấy vợ, bà con bên vợ tôi gọi tôi là Sáu vì vợ tôi là «con Sáu». Tôi có đọc Hiệp khách hành của Kim Dung. Truyện kiếm hiệp, gọi nôm na là «truyện chưởng». Trong truyện, có một nhân vật cao thủ võ lâm có cái tên kỳ lạ là Cầu tạp chủng — con chó lai giống. Sau đó, anh chàng lại mang rất nhiều tên khác nhau, do thiên hạ đặt cho, tên gì cũng được, kể cả tên của Bang chủ Thạch phá Thiên. Mãi đến khi kết thúc câu truyện, người hùng của tác phẩm gặp lại bà mẹ nhưng cũng không biết mình có tên gì khác hơn là Cầu tạp Chủng. Tôi lại nhớ một câu truyện khác. Một hôm, đến hành phố họ, tôi gặp một người đàn ông ăn mặc sạch sẽ, trước ngực có mang một cái bảng tên : «Trần thanh Minh». Ông ta gạ chuyện tôi trong một quán cà phê. Ông nói chuyện vui vẻ, lý thú lắm. Trong lúc cao hứng, tôi buột miệng gọi ông bằng tên. «Ông Minh à, ông nói thế tôi đồng ý, nhưng...» Người đàn ông tỏ vẻ ngạc nhiên «Ông Minh nào?» Tôi chỉ vào tấm bảng tên trước ngực ông. Ông ta cười hi hi : «À cái này không phải! Tôi thấy ai làm rách mấy chữ này, trông cũng đẹp đẹp, tôi lượm mang chơi cho vui...» Tôi được mấy người bạn cho biết ông ta điên điên khùng khùng, gặp ai thì nói chuyện có vẻ tỉnh táo lắm, nhưng ngồi một mình thì «giả» ôm mặt khóc hu hu như trẻ con. Hỏi tại sao khóc, «giả» nói : «Ờ thì khóc chơi cho vui, bộ không được khóc sao? Khóc là trật há?» Biết thằng cha điên, không ai thêm chú ý nữa. Nhưng tôi vẫn bị thu hút bởi ông Minh cho đến một nào đó, tôi khám phá ra rằng người điên là người điên, không có gì để khám phá, hay đúng hơn, không có cách nào để khám phá.

Tôi buồn kinh khủng.

Khi bước vào trại, tôi gặp ngay Thượng sĩ cầm vụ tên là... Thôi, tôi không dám nhìn vào cái tên trước ngực áo nữa. Anh ta chào một cách vội vã rồi nói : «Thiếu úy, Thiếu tá cần gặp Thiếu úy ở phòng hành quân, gấp!»

Trong phòng hành quân, có một bản đồ trên đó chẳng chặt những vết bút chì mờ xanh đỏ, những mũi tên chỉ vào các mục A, B và C. Tôi nghĩ đến những ngọn đồi, những cánh đồng, những thôn xóm tượng trưng bởi những chữ viết vội. A.B.C... (còn nữa).

CAO HỮU HUÂN

SINH HOẠT VĂN HÓA

CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG HÁT TỰ LÒNG ĐẤT. —

Nhân kỷ niệm năm năm thành lập đoàn Văn nghệ Thanh niên Sinh Viên Học Sinh **NGUỒN SỐNG**, một buổi trình diễn văn nghệ thật hùng hậu do **ĐOÀN** tổ chức được dễn ra tại rạp Thống Nhất Sài Gòn ngày 3-11-1970. Giờ khai mạc chính thức lúc 20 giờ 15 trong bầu không khí long trọng và náo nức bởi một số khán giả kỷ lục đến tham dự — dù không có sự hiện diện của quan khách cỡ lớn. Buổi lễ tổ chức thật chu đáo và đặc biệt với những tiếp-tân-viên đồng phục bà ba nâu (cũng là bộ đồng phục cho tất cả đoàn viên) hướng dẫn trật tự cho khán thính giả trong rạp. Chương trình hôm nay gồm hai phần: Phần nghi lễ và phần văn nghệ.

Một chương trình *Dân ca, Dân Vũ* thật phong phú và đặc sắc gồm những tiết mục như: *Đồng ca*: Việt Nam Việt Nam. *Đơn ca*: Tình ca. *Hoạt Vũ*: Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai *Thi nhạc*: quê hương. *Hoạt ca*: Lý Ngựa Ô, Hồ Hại. *Song ca*: Lý qua đèo, Mơ một ngày về. *Vũ*: Bình Bán Ván, Hoa đăng *Liên Vũ*: Cây trúc xinh và Hái hoa. *Ca*: Qua cầu gió bay. *Thơ*: Tình quê, tình nước. *Hợp Xướng*: Hội Trùng Dương.

Đặc biệt màn vũ *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai* thật đẹp mắt

với những cô tiên nữ tha thướt và uyển chuyển. Màn hoạt ca *Lý Nại* Ô thật hào hứng, khán giả vỗ tay tán thưởng và hát theo. Vũ khúc *Hoa đăng* thật khéo được tán thưởng nồng nhiệt. Liên Vũ *Cây trúc sinh và Hải Hoa* rất hay đều cả vũ lẫn ca. Đêm văn nghệ kỷ niệm kết thúc hồi 22 giờ 30 giữa không khí thoải mái và hài lòng cho khán thính giả ra về.

Một chương trình bổ ích, vui tươi, lành mạnh khác xa với những buổi đại nhạc hội thương mại đang thịnh hành.

TRIỂN LÃM SINH HOẠT SINH VIÊN HỌC SINH

Tuần lễ triển lãm sinh hoạt sinh viên học sinh được khai mạc lúc 16 giờ ngày 31-10-1970 tại giảng đường trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Phòng triển lãm qui tụ nhiều bộ môn sinh hoạt sinh viên Việt Nam như : âm nhạc, hội họa, điêu khắc, kiến trúc, văn nghệ, báo chí v.v...

— *Hội họa* : trưng bày những tác phẩm của Trí Nguyễn, Trần thanh Công, Mặc Thủy, Trịnh quang Khánh, Phan bất Khuất, Bửu Chỉ, Phan hữu Lượng.

— *Điêu khắc* : 2 tác phẩm (loại bỏ túi) của Triệu Khai Quốc.

Ngoài ra có thêm sách báo, nội san, sinh hoạt trường lớp của những năm qua thuộc đủ các phân khoa ở Sài Gòn và Huế.

Hình ảnh chống chiến tranh ở Mỹ và các nước ngoài, cũng như những dấu tích của cuộc tranh đấu sinh viên trước đây cũng được ban tổ chức cho trưng bày. Phần học sinh cũng có một gian hàng riêng bày các món nữ công, gia chánh, tiểu công nghệ, các giai phẩm Xuân. Ngoài ra còn có gian hàng sinh

viên Phật tử, đặc biệt có thêm gian hàng riêng của Nữ Sinh viên.

Nhìn chung, phòng triển lãm còn luộm thuộm ở cách tổ chức, cũng như phần trang trí, trưng bày không được vừa mắt. Nhưng có lẽ ban tổ chức không lấy gì bận tâm về vấn đề này, chủ đích của họ nằm ở phần nội dung hơn. Đúng vậy, dầu quan tâm hay không, khách vào xem cũng có thể nhận ra được nội dung CHỐNG CHIẾN TRANH với những hình ảnh thật khủng khiếp, những tài liệu đặc biệt thuộc loại quốc cấm, tất cả tạo nên một không khí lạ bao trùm phòng triển lãm.

DIỄN TUYẾT TẠI TRƯỜNG ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA SÀI-GÒN

Nằm trong chương trình « Tuần lễ triển lãm sinh hoạt sinh viên học sinh », 3 buổi diễn thuyết sẽ được tổ chức tại trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn với thời khắc biểu như sau :

1. — Thứ hai, ngày 2-11-1970, vào lúc 9 giờ giáo sư Nguyễn hữu Ba (giam đốc Quốc gia Âm Nhạc Huế) thuyết trình về đề tài : *Sức sống của dân tộc qua quốc nhạc.*

2 — Thứ năm, ngày 5-11-1970, vào lúc 9 giờ Linh mục Nguyễn ngọc Lan thuyết trình về đề tài : *Văn hóa trong tự do.*

3 — Thứ bảy, ngày 7-11-1970 cũng vào lúc 9 giờ giáo sư Lý chánh Trung thuyết trình về đề tài : *Văn hóa, một vũ khí bảo vệ đất nước.*

Cả 3 buổi diễn thuyết trên đều đặt dưới quyền điều hành của Ban tổ chức triển lãm sinh hoạt sinh viên học sinh. Vào cửa tự do.

ĐÊM ĐẠI HỘI VĂN CÔNG. —

Nằm trong chương trình Kỷ niệm năm năm thành lập đoàn văn nghệ thanh niên sinh viên học sinh NGUỒN SỐNG, một đêm đại hội văn công được đoàn tổ chức tại rạp Thống Nhất, hồi 20 giờ 15 thứ bảy ngày 7-11-1970.

Cũng như đêm văn nghệ mừng ngũ niên ngày thành lập đoàn diễn ra tối 3-11-1970 trước đây, chương trình có nhiều tiết mục hấp dẫn, lời cuốn được số đông khán thính giả đến dự. Cùng một không khí của đêm trước nhưng lần này đoàn chú trọng về phần ca diễn *Du ca và dân ca* nhiều hơn, đó chính là tinh thần văn công như ban tổ chức đã tiết lộ. Những vũ khúc đáng đề ý như: *Se chỉ luồn kim*, *Trăng sáng trong làng*. Hợp ca và đồng ca chiếm phần lớn trong chương trình. Hoạt cảnh: *Người chết có linh hồn* đã chấm dứt đêm đại hội văn công vào lúc 22 giờ 15 trong bầu không khí thật thoải mái cho những tâm hồn tìm bóng mát cuối tuần.

Buổi đại hội coi như thành công với số khán thính giả kỷ lục vừa ngồi vừa đứng đầy nghẹt hội trường.

Đón đọc

VÒNG ĐAI XANH

tiểu thuyết mới của

NGÔ THẾ VINH

biên

NGHIÊU ĐỀ

CÁO LỖI

Vì một lý do ngoài ý muốn, truyện dài « NHƯ CHỖ NGHỈ CHÂN » của TỬ KẾ TƯỜNG không thể tiếp tục đăng trên tạp chí Ý THỨC. Chúng tôi trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc. Và điền vào đó, từ số 6, là truyện dài đầu tay : « TRONG VƯỜN TRÁI ĐẮNG » của LỮ QUỲNH.

NHÓM CHỦ TRƯỞNG

Lữ Kiều * Nguyễn Minh * Trần Hữu Ngũ * Lê Ký
Thương * Nguyễn Ngũ * Trần Hữu Lục * Lữ Quỳnh
* Thụy Văn * Võ Tân Khanh * Hồ Thúy Giũ *
Nguyễn Mậu Hưng * Đỗ Nghê * Hồ Nguyên Hân *
Trần Hoài Thư.